

Bản dịch do Đan viện Đa Minh Việt Nam thực hiện

**CÁCH QUẢN TRỊ DÒNG ĐA MINH NGÀY NAY
TRONG ÁNH SÁNG CỦA DI SẢN LẬP PHÁP CỦA CHÚNG TA
VÀ LUẬT CHUNG CỦA GIÁO HỘI**

Thomas Doyle, OP thư tín tức của đan viện Đa Minh, vol.3,82 - 118 .

[Những bài suy tư- trang 30]

Tóm tắt

I. Tinh thần Lập pháp của dòng Đa Minh: Những Nét Độc Đáo

II. Một số Khía cạnh của Tinh thần Pháp luật đối với Tu sĩ

- A. Những cân nhắc về giáo hội học
- B. Tư duy của Đức Thánh Cha và Thiện ích của Giáo hội
- C. Bộ Giáo Luật Mới: Một Sự Chuyển Đổi Đến Tính Riêng Biệt

III. Tôn giáo được miễn trừ và Giáo hội Địa phương

- A. Bản Quyền Địa Phương: Một Số Nguyên Tắc
- B. Mục Đích Của Tu Sĩ Trong Giáo Hội Địa Phương

IV. Một số quan sát về Hiến pháp của các Nữ đan sĩ Đa Minh

- A. Những quan sát đặc biệt về các con số được chọn
- B. Một số câu hỏi về vai trò của Bản quyền Địa phương
- C. Một số câu hỏi đặc biệt có thể có tầm quan trọng
 - 1. Xuất hoặc trục xuất khỏi đời sống tu trì
 - 2. Những câu hỏi liên quan đến của cải vật chất

V. Một số nhận xét về Quy chế của của Hội đồng các Nữ đan sĩ

- A. Khái niệm về cách quản trị đại diện của dòng Đa Minh
- B. Những cân nhắc thực tế có thể có

I. TINH THẦN LẬP PHÁP DÒNG ĐA MINH

A. Các mô hình quản trị cho các Cộng đoàn tu trì vào thế kỷ 12

Vào thời điểm khởi đầu của Dòng, mô hình quản trị chiếm ưu thế là chế độ quân chủ. Mô hình này đã được các cộng đoàn tu trì như các Tu sĩ dòng Biển Đức áp dụng. Một biến thể đã được tìm thấy với kinh sĩ-giáo sĩ dòng mà mô hình quản trị của họ tương tự như tầng lớp quý tộc.

1. Quyền lực tập trung vào từng cá nhân và truyền từ trên xuống.
2. Các hội nghị của các thành viên không thường xuyên và khi chúng diễn ra là để thực thi quyền hành pháp.
3. Mô hình quản trị phù hợp với nhu cầu và mục đích của tu sĩ thời đó.
4. Sự ổn định, lao động chân tay, giờ kinh phụng vụ chung và Thánh lễ là những điều quan trọng hàng đầu.

B. Mục Đích Đa Minh

Thánh Đa Minh đã áp dụng những yếu tố từ lối sống đan tu và dòng tu để phù hợp với mục đích chung của mình đó là rao giảng chân lý thánh trong một môi trường đôi khi thù địch. Ngài vừa là người rất thực tế, can đảm, vừa là một nhà lý luận xuất sắc về hệ thống chính trị.

1. Ngài bị ảnh hưởng bởi khuôn khổ của Premontre vì bản thân ngài đã từng là một giáo sĩ dòng kinh sĩ. Ngài cũng bị ảnh hưởng bởi cơ cấu của Dòng Chiến sĩ vốn có phương pháp bầu cấp trên giống như chúng ta.
2. Ngài đã chọn Tu Luật của Thánh Âu Tinh làm mẫu mực cho lối sống. Tuy nhiên, đây không phải là một khuôn khổ hay kế hoạch quản trị thực tế.

C. Sự di chuyển, tự do khỏi nhu cầu lao động chân tay, cơ hội học tập là quan trọng nhất.

1. "Các Tu sĩ trước hết và vẫn là kinh sĩ. Thứ hai, Humbert Roman, lặp lại truyền thống của Dòng nói rằng Thánh Đa Minh đã chọn Tu Luật của Thánh Âu Tinh vì các điều khoản của nó đủ mơ hồ để cho phép kiểu sống đặc biệt, học hành và thuyết giảng, mà ngài đã lên kế hoạch cho các môn sinh của mình, để sống mà không vi phạm bất kỳ điều khoản nào của nó." (Galbraith, trang 34).

Có vẻ như kiểu sống này sẽ không được phục vụ tốt bởi mô hình quản trị quân chủ hay quý tộc.

D. Quản trị Đại diện

Khái niệm về một hình thức quản trị đại diện dựa trên việc phân bổ lại nguồn lực và cách sử dụng quyền lực. Từ đó rút ra những kết luận thực tiễn khác: làm luật, phương pháp đưa lãnh đạo lên nắm quyền, mối tương quan bề trên và bề dưới.

1. Hội đồng anh em là nguồn sức mạnh. Các tu nghị đã và đang là các hội đồng lập pháp... đặc điểm quản trị quan trọng nhất của Dòng.

2. Các tu nghị bao gồm đại diện của các cộng đoàn. Quyền bầu cử phổ thông chưa bao giờ là một đặc điểm của cách quản trị của chúng ta.
3. Các đại diện của các tu nghị được hưởng quyền lực do những người mà họ đại diện tin tưởng trao cho.
4. Trong tu nghị, các đại diện đều bình đẳng: tu viện trưởng và các anh em có tiếng nói bình đẳng. Giám Tỉnh cũng bình đẳng với những người khác.
5. Các đại diện (đại diện kinh sĩ) được hưởng quyền tự do lựa chọn trong việc bỏ phiếu về các vấn đề và bỏ phiếu bầu bề trên, v.v. Họ không bị ràng buộc phải tuân theo các chỉ dẫn từ khu vực bầu cử của mình.

E. Bản Chất của Bề Trên

Vai trò bề trên và cương vị dành cho họ trong Dòng cũng là một đặc điểm độc đáo ở chỗ nó gần giống với lý tưởng giáo hội học về tư cách thành viên trong Thân Mình Chúa Kitô.

1. Tất cả bề trên đều được bầu.
2. Có một khoảng thời gian nhất định để bề trên hành động.
3. Quyền lực của bề trên đến từ hội đồng. Anh ta phải thực hiện những mong muốn của hiến pháp và của anh em. Quan chức là người phục vụ cơ thể.
4. "Khi mãn nhiệm, anh trở lại công việc và chức vụ bình thường, như thể chưa bao giờ giữ chức vụ nào cả. Nói cách khác, tất cả các tu sĩ đã khấn đều có sự bình đẳng tuyệt đối. Quyền ưu tiên được thực hiện theo số năm khấn dòng, nhưng theo như người ta có thể đánh giá, chỉ có khả năng mới mang lại sự thăng tiến và danh tiếng." (Galbraith, trang 5)
5. Có lẽ sự sắp xếp này dành cho bề trên cho thấy sự đánh giá của Thánh Đaminh đối với hệ thống quân chủ và tính hữu ích của nó trong việc giúp quảng bá phúc âm.
6. Khả năng lãnh đạo không phụ thuộc vào xuất thân hay địa vị xã hội.

F. Sự trưởng thành của ơn gọi Đa Minh.

Tính độc lập của các anh em cũng như nhu cầu kỷ luật cá nhân cho thấy Thánh Đa Minh quý trọng sự trưởng thành của các môn sinh của ngài. Điều này cũng hiển nhiên ở sự tin tưởng được đặt vào chính các cá nhân đối với quy trình quản trị.

1. Khả năng tiếp tục đổi mới luật pháp của dòng Đa Minh.

Hiến pháp không được phê duyệt một cách dứt khoát bởi cơ quan có thẩm quyền cao hơn. Chính các anh em có trách nhiệm đánh giá nhu cầu của Dòng so với nhu cầu của Giáo hội và đưa ra những thay đổi thích hợp.

2. Tinh thần cơ bản của Dòng và Tu Luật Thánh Âu Tinh được cho là chiếm ưu thế trong tư duy trong việc thay đổi luật pháp.

3. Sự vâng phục dành cho các bề trên theo hiến pháp và tu luật. Người tu sĩ và bề trên của anh ta ở thế tin cậy lẫn nhau. Ân sủng nói qua con người chứ không phải qua luật pháp. Pháp luật phục vụ cộng đoàn.

4. Niềm tin: cộng đoàn bầu ra những người đại diện để cân nhắc, bầu các quan chức và thay mặt nó soạn thảo luật. Những người đại diện không bị ràng buộc bởi sự đồng thuận của cộng đoàn mà được kỳ vọng sẽ hành động và quyết định một cách chín chắn.

5. Sự miễn trừ: Các tu sĩ Đa Minh không bị ràng buộc bởi luật pháp nhưng khi bầu một bề trên, họ biết rằng anh ta có quyền miễn trừ khi nó sẽ mang lại lợi ích cho một tu sĩ.

II. MỘT SỐ KHÍA CẠNH CỦA LUẬT CHUNG CHO TU SĨ

A. Luật dựa trên bản chất của Giáo hội

1. “Dân Chúa” - sự kết hợp giữa hai thực tại tinh thần và con người. Không có hai giáo hội mà là một. Nó có tính phân cấp trong cấu trúc cơ bản của nó.

2. Sự bình đẳng tinh thần căn bản của mọi tín hữu

“Vì qua việc thông truyền Thánh Thần của Ngài, Chúa Kitô đã thiết lập một cách huyền nhiệm trong Thân Thể những anh em của Người vốn được kêu gọi từ mọi quốc gia. Trong thân thể đó, sự sống của Chúa Kitô được truyền đạt cho những ai tin và những ai, qua các bí tích, hiệp nhất trong một con đường thực sự và ẩn giấu đến với Chúa Kitô trong cuộc khổ nạn và vinh quang của Người”. (LG7)

3. Sự đa dạng về thành viên và chức năng. Việc xây dựng Thân Thể Chúa Kitô... Giáo Hội của Người, tùy thuộc vào việc chấp nhận trong đức tin các loại vai trò, mục vụ, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn khác nhau nhưng tất cả đều trong bối cảnh bình đẳng tinh thần.

“Các tín hữu của Chúa Kitô là những người, vì họ đã được tháp nhập vào Chúa Kitô qua phép rửa, nên được cấu thành dân Thiên Chúa. Vì lý do này, họ tham gia theo cách riêng của họ vào chức vụ tư tế, ngôn sứ và vương đế của Chúa Kitô”. (GL 204) 4. Đời sống tu trì không nằm trong cơ cấu phẩm trật của Giáo hội (GL 207). Nó liên quan mật thiết đến đời sống và sự thánh thiện của Giáo Hội. Các hình thức đời sống tu trì và các khía cạnh khác nhau của đời sống tu trì được hàng giáo phẩm của Giáo hội chấp thuận. (GL 45)

B. Mối quan tâm của Đức Thánh Cha đối với Đời sống Tu trì

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã bày tỏ mối quan tâm thực sự của mình đối với hiện trạng đời sống tu trì trên toàn thế giới, đặc biệt là ở Hoa Kỳ. Mối quan tâm này bắt đầu từ tình trạng đời sống tu trì giữa các Dòng tông đồ và các tu hội khác.

1. Ủy ban đặc biệt nghiên cứu đời sống tu trì được ban hành để xác định tình trạng thực tế của đời sống tu trì ở Hoa Kỳ.

2. Những yếu tố thiết yếu áp dụng cho mọi cộng đoàn tu trì một phần và đặc biệt cho các tu hội tông đồ. Chúng được rút ra từ giáo huấn của Công đồng Vatican II và Bộ Giáo luật.

C. Bộ Giáo luật mới: Chuyển hướng sang điều Đặc biệt

1. Một trong những nguyên tắc của bộ luật mới là Giáo hội với tư cách là Dân Chúa. Điều này chuyển gánh nặng trách nhiệm về đời sống thực tế trong Giáo hội từ quyền lực tập trung sang giáo hội địa phương. Các nguyên tắc phụ trợ phát triển từ ý nghĩa này của Giáo hội.

2. Có sự giảm rõ rệt các chi tiết cụ thể trong Bộ luật, để lại nhiều mục cho các luật cụ thể.

3. Chỉ thừa nhận điều này thôi thì chưa đủ. Nguyên tắc này phải được áp dụng khi viết hiến pháp. Sự đơn giản và phụ trợ phải được đánh dấu bằng sự tin tưởng. Các tu hội cũng được yêu cầu quay trở lại với tinh thần của người sáng lập. Điều này không ngụ ý một khuynh hướng thoát ly lãng mạn hay ngây thơ mà là một nỗ lực trung thực để xác định xem tinh thần này đã nói như thế nào thông qua luật pháp và quy phạm ngay từ đầu và ngày nay chúng ta có thể phản ứng tương tự như thế nào với luật pháp của chính mình.

4. Môi quan tâm của Giáo hội đối với di sản của các tu hội

“Toàn bộ tài sản của một tu hội phải được tất cả giữ gìn một cách trung thành. Tài sản này bao gồm ý định của những người sáng lập, trong số tất cả những gì mà cơ quan có thẩm quyền của giáo hội đã phê chuẩn liên quan đến bản chất, mục đích, tinh thần và đặc tính của tu hội, và về những truyền thống có cơ sở của nó.” (GL 578) “Một quyền tự chủ thực sự về cuộc sống, đặc biệt là việc quản trị, được công nhận cho mỗi tu hội. Quyền tự chủ này có nghĩa là mỗi tu hội có kỷ luật riêng trong Giáo hội và có thể bảo tồn toàn bộ di sản được mô tả trong điều 578.

Các đảng bản quyền địa phương có trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ sự tự trị này” (GL 586)

5. Một số khía cạnh của Di sản Đa Minh

-truyền thống và tinh thần quản trị của chúng ta

-đời sống trí thức: rao giảng và học tập

-miễn trừ từ các đảng bản quyền địa phương

6. Phát triển pháp luật cụ thể:

Đây là một quá trình khó vì nó đòi hỏi không chỉ việc nghiên cứu kỹ lưỡng mục đích của mỗi quy phạm hoặc luật, mà còn đòi hỏi một sự hiểu biết sâu sắc về tinh thần chung của cả luật chung lẫn hiến pháp của tu hội. Pháp luật cụ thể của chúng ta phải đáp ứng tinh thần của Thánh Đaminh, được tìm thấy trong hiến pháp đầu tiên.

III. MIỄN TRỪ TU SĨ VÀ GIÁO HỘI ĐỊA PHƯƠNG

A. Nguyên tắc miễn trừ chưa bị bỏ

1. Điều 45 tuyên bố rằng Đức Giáo Hoàng có thể miễn trừ tu sĩ khỏi các đảng bản quyền địa phương và cũng có thể giao phó họ cho các cơ quan có thẩm quyền giáo trưởng thích đáng chăm sóc.

2. Điều 591 trình bày lại vấn đề miễn trừ.

3. Miễn trừ về mặt kỹ thuật là một đặc quyền. Do đó, những cộng đoàn được miễn trừ theo Bộ luật 1917 vẫn được miễn trừ trừ khi đặc quyền đã bị thu hồi một cách rõ ràng (GL 4)

B. Các tu sĩ

Kể cả các tu sĩ dòng kín và được miễn trừ, sống ơn gọi của mình và hoạt động tông đồ của họ trong Giáo Hội địa phương là giáo phận. Giám mục giáo phận là người đứng đầu giáo hội địa phương và theo một nghĩa nào đó, là đại diện của Chúa Kitô ở đó. Do đó, có một mối quan hệ tôn trọng lẫn nhau và trách nhiệm giữa hai... tu hội và giám mục địa phương. Việc miễn trừ được áp dụng chủ yếu vào việc quản trị nội bộ và đời sống của tu hội. Nó không coi bản quyền địa phương là “bản quyền” của nó.

1. Bản quyền địa phương có trách nhiệm đối với tất cả các tu hội về những vấn đề liên quan đến việc chăm sóc các linh hồn hoặc toàn thể Giáo hội cũng như những vấn đề cơ bản đối với đời sống của Giáo hội. (CD 35, 3, 4 và ES 25-29)

Những giáo luật chạm đến mối quan hệ giữa các Nữ đan sĩ của chúng ta với Đấng Bản quyền.

1. Điều. 586, 2

2. Điều. 609: Yêu cầu có sự cho phép của Giám mục giáo phận và Tòa thánh cho việc thành lập một đan viện dành cho các nữ đan sĩ. Yêu cầu có phép của giám mục sử dụng cho các công việc tông đồ khác với những công việc quy định khi thành lập. “Nếu một đan viện tự trị không có bề trên cao cấp nào, ngoài chủ tọa riêng của mình, và không liên kết với bất kỳ hội dòng nào theo cách mà bề trên của hội dòng đó có thẩm quyền thực sự đối với đan viện do hiến pháp xác định, thì nó được giao phó, theo các quy định của luật, cho giám mục giáo phận coi sóc.”

Điều. 612 Giám mục giáo phận có quyền và nghĩa vụ viếng thăm những đan viện

Điều 615 được đề cập ở gl. 615.

6. Điều. 630,3: Bản Quyền địa phương có quyền phê chuẩn cha giải tội của các đan viện (của các nữ đan sĩ).

7. Điều. 637: Các đan viện tự trị được đề cập ở gl. 615 trình kế toán tài chính cho bản quyền địa phương mỗi năm một lần.

8. Điều. 638,4: Cần có sự cho phép bằng văn bản của bản quyền địa phương đối với việc chuyển nhượng các đan viện được đề cập ở gl. 615.

9. Điều 667, 4 Giám mục giáo phận có thể, vì lý do chính đáng, bước vào khu nội vi của tất cả các đan viện trong giáo phận của mình. Với sự cho phép của đan viện trưởng, ngài có thể cho phép người khác vào và cho phép các nữ đan sĩ ra khỏi đó một khoảng thời gian.

10. Điều. 1279: Bản Quyền địa phương có thể can thiệp khi có sự sơ suất của người quản lý của cải tài sản.

11. Điều. 1287: Khi tài sản không được rút khỏi quyền quản trị của giám mục giáo phận một cách hợp pháp, những người quản lý buộc phải giải trình việc điều hành của mình với bản quyền địa phương.

12. Điều. 1308,4 Giám mục giáo phận có quyền giám sát nghĩa vụ của các di sản Thánh lễ vì sự suy giảm thu nhập trong các đan viện.

E. Việc áp dụng những giáo luật này cho các Nữ đan sĩ Đa Minh

1. Các nữ đan sĩ tuyên khấn vâng phục Bề Trên Tổng Quyền (x. số. 22, SII)

2. Hiến pháp nêu rõ rằng các đan viện tự trị của các nữ đan sĩ Đa Minh thuộc thẩm quyền thực sự của Bề Trên Tổng Quyền (x. nn. 194, SI; 196, SII; 201; 202; 203; 205, SII 207, SI;

3. Điều 614: "Các đan viện của các nữ đan sĩ được liên kết với một tu hội nam, có quy tắc sinh hoạt và quản trị riêng, phù hợp với hiến pháp. Các quyền và nghĩa vụ của nhau phải được xác định theo cách mà lợi ích tinh thần có thể đến từ sự liên kết."

4. Các đan viện của các nữ đan sĩ Đa Minh không thuộc phạm vi gl 615. Do đó, những điều luật áp dụng coi sóc của giám mục đối với các đan viện được đề cập trong điều 615, theo luật thông thường, không áp dụng cho các nữ tu Đa Minh.

F. Đặc quyền miễn trừ bắt đầu từ các tu sĩ Đa Minh. Các nữ tu chia sẻ đặc ân này cũng như họ chia sẻ gia sản rộng lớn hơn của Dòng.

1. Việc miễn trừ thẩm quyền của bản quyền địa phương trong các vấn đề nội bộ là vì lợi ích của Dòng.

2. Là một phần quan trọng trong di sản của chúng ta, nó phải được phản ánh đầy đủ nhất có thể trong tất cả các quy định pháp luật của chúng ta. 3. Mỗi quan hệ của các Nữ đan sĩ với Tu sĩ và Bề Trên Tổng Quyền cần được xem xét trong bối cảnh tinh thần quản trị của chúng ta: một mối quan hệ tin cậy lẫn nhau.

IV. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ HIẾN PHÁP CỦA CÁC NỮ ĐAN SĨ

A. Việc từ bỏ tài sản khi khấn trọng thể

1. Một số tu sĩ được cha mẹ yêu cầu giao tài sản của mình theo vào một hợp đồng ủy thác với người khác làm người được ủy thác.

2. Trong những trường hợp như vậy, tu sĩ không có quyền sở hữu hoàn toàn.

3. Điều này thường xảy ra khi cha mẹ hoặc người khác nêu rõ rằng họ không muốn tài sản thừa kế của con cái họ được can thiệp một cộng đoàn tôn giáo sau khi con cái qua đời.

B. Mối quan hệ của các Nữ đan sĩ Đa Minh với Bản quyền Địa phương

1. Trong Hiến pháp ghi rõ rằng các nữ đan sĩ phải phục tùng Bề trên Tổng Quyền hoặc những người đại diện được bổ nhiệm theo pháp lý của ngài.

2. X. 196/ SI, SII: có đề cập đến khả năng các đan viện thuộc thẩm quyền của Bản quyền địa phương. Việc đề cập này có lẽ là thừa vì thực tế là tất cả những điều cần thiết liên quan đến Bản quyền địa phương đều đã có trong luật chung.

3. X. số 246, Sill, 2^o: chấp nhận các di sản Thánh lễ. Điều 1304 nói rằng “bản quyền” cho phép chấp nhận quỹ bổng Lễ và di sản và điều 1308, 5 nói rằng người điều hành tối cao của một tu hội giáo sĩ thuộc quyền giáo hoàng có quyền giảm bớt.

4. X. số. 246, SIV: Không cần quy định việc báo cáo kinh tế hàng năm phải chịu sự chấp thuận của Bản quyền địa phương vì quỹ không phụ thuộc vào thẩm quyền của ngài (cc. 615, 637, 1287, 1).

5. Bầu cử: Theo điều 625, 1 yêu cầu bản quyền địa phương phải có mặt chỉ áp dụng cho những đan viện không liên kết với một tu hội. Vì vậy, luật không yêu cầu điều này đối với các nữ đan sĩ Đa Minh.

Bề trên thường trực có quyền xác nhận hoặc vô hiệu hóa cuộc bầu cử (số. 278, SII). Vì vậy, về mặt giáo luật, sự hiện diện của giám mục là không cần thiết.

Tuy nhiên, vì lý do giáo hội học... mối quan hệ của các nữ đan sĩ với Giáo hội địa phương, sự hiện diện của giám mục có thể được khuyến khích hoặc khích lệ ... nhưng không bắt buộc để có hiệu lực hiến pháp.

6. Những trường hợp sơ suất: (x. số 246, SV) Có lẽ khôn ngoan nên chiều theo người đứng đầu giáo hội địa phương trong trường hợp có sơ suất hành chính hoặc sơ suất khác như ghi rõ. Phải luôn luôn rõ ràng rằng đây là trường hợp ngoại lệ.

7. Đề xuất người bầu cử: đây có phải là một phần của truyền thống lập pháp của dòng Đa Minh. Việc này có thể được thực hiện theo cách ngoại lệ nhưng cần phải làm rõ rằng việc này chỉ được thực hiện bởi những người có thẩm quyền về hiến pháp.

Một Số Câu Hỏi Đặc Biệt Có Thể Có Tầm Quan Trọng

1. Xuất và Trục xuất khỏi Đời sống Tu trì

a. Ngoại vi hóa: (điều 686, 2): Tòa Thánh chấp thuận bất kỳ và tất cả các đặc phép, cả theo thỉnh nguyện và áp đặt. Vào thời điểm hiện tại, Quyền sứ thần Tòa thánh có năng quyền cấp một đặc phép như vậy với thời hạn lên đến ba năm. Khi thỉnh nguyện, bề trên phải bao gồm lời thỉnh cầu của nữ đan sĩ, ý kiến của bề trên và suy nghĩ của hội đồng.

b. Ngoại vi hóa áp đặt: (điều 686, 3).

Đây là một hành động mang tính quản trị chứ không phải có tính tư pháp. Tuy nhiên, vì nó được Tòa thánh ban hành nên nó không phải chịu sự kháng cáo theo giáo luật đối với các sắc lệnh hành chính (điều 1732). Bề trên phải có lý do tương xứng nghiêm trọng để yêu cầu một sự ngoại vi hóa áp đặt, chẳng hạn như sự vắng mặt kéo dài ở đan viện mà không có hy vọng hợp lý

trở lại ngay lập tức hoặc điều gì đó tương tự. Một sự ngoại vi hóa áp đặt có thể được cấp trong một thời gian hoặc vô thời hạn vì nó được Tòa thánh cấp (thông qua SCRIS). Mặc dù luật pháp không yêu cầu điều đó, nhưng lòng bác ái sẽ ra lệnh rằng mọi phương tiện hợp lý phải được sử dụng hết trước khi thỉnh cầu một sắc lệnh. Tuy nhiên, lợi ích của cộng đoàn và ý thức chung cũng phải được xem xét.

c. **Thuyên chuyển:**

chuyển từ một đan viện Đa Minh sang một đan viện khác, áp dụng quy tắc của điều 684, 3. Cần có sự đồng ý của cả hai đan viện trưởng và sự đồng ý bổ sung của đan viện hội của đan viện tiếp nhận. Việc chuyển từ một đan viện Đa Minh sang một đan viện của một Dòng khác hoặc một tu viện khác không còn cần sự cho phép của Tòa Thánh. Do đó, sự cho phép cần thiết trong số 179 bây giờ là thừa. Để thuyên chuyển như vậy cần phải có sự cho phép của chủ tọa tối cao (đan viện trưởng Đa Minh) với sự đồng ý của các hội đồng tương ứng.

d. **Tự động trục xuất:**

một tu sĩ tự động bị trục xuất vì những lý do được đề cập ở điều 694, 1, chỉ bao gồm việc từ bỏ đức tin và hôn nhân rõ ràng. Bề trên và hội đồng của bà chỉ tuyên bố sự việc với sự thông báo thích hợp cho các tu sĩ.

e. **Bắt buộc trục xuất:**

luật đề cập đến ba tội danh phải tiến hành một quá trình trục xuất: giết người, phá thai và vợ lẽ (chỉ dành cho giáo sĩ). Trong những trường hợp này, việc trục xuất không phải là tự động mà phải dựa trên bằng chứng về hành vi phạm tội. (điều 695).

f. **Trục xuất nói chung (điều 696-701)**

Giáo luật (điều 696) đề cập đến một số lý do có thể bắt đầu thủ tục trục xuất, bao gồm cả việc vắng mặt bất hợp pháp khỏi tu viện.

Quy trình: Bề trên cao cấp (đan viện trưởng) trước tiên phải có một số bằng chứng gồm có bằng chứng bằng văn bản hoặc lời khai có tuyên thệ. Nó phải hơn là sự phỏng đoán hay sự không ưa thích cá nhân đối với một người nào đó mà là bằng chứng khách quan về một vấn đề cụ thể.

-bị cáo phải được thông báo bằng văn bản hoặc bằng miệng trước hai nhân chứng, việc trục xuất sẽ diễn ra trừ khi chị ta cải tạo -lý do trục xuất phải rõ ràng và đầy đủ! bày tỏ.

- bị cáo phải được quyền bào chữa, không loại trừ tư vấn theo giáo luật.

-lời cảnh cáo thứ hai như lần thứ nhất, sẽ được đưa ra sau 15 ngày kể từ ngày nhận được lời cảnh cáo thứ nhất và theo cách tương tự với những lời cảnh cáo và khiển trách tương tự

- Bề trên có thể phán xét rằng cần phải cảnh báo thêm hoặc có thể cùng hội đồng quyết định rằng việc bào chữa là không đủ và có đủ bằng chứng về tính không thể sửa chữa được. Trong trường hợp này, các văn bản phải được bề trên và một công chứng viên ký, có mặt trong suốt quá trình.

-văn bản của vụ việc sau đó sẽ được chủ tọa tối cao cùng với hội đồng xem xét. Họ phải bỏ phiếu kín về vấn đề này. Nếu họ bỏ phiếu trục xuất, sắc lệnh truyền đạt cho các tu sĩ phải chứa bản tóm tắt các lý do và luật mà việc trục xuất dựa theo.

- Tu sĩ cũng phải được thông báo về quyền kháng cáo lên Tòa thánh (SCRIS) trong vòng mười ngày kể từ ngày chị nhận được thông báo về sắc lệnh.

-Trong các đơn viện của chúng ta, sắc lệnh trục xuất và tất cả các văn bản phải được chuyển tới Tòa thánh (SCRIS) trước khi thông báo cho tu sĩ. Ở đó, nó được phê chuẩn và được trả lại để truyền lại cho người tu sĩ bị trục xuất. g. Kháng cáo: cấp độ kháng cáo đầu tiên là lên Tòa Thánh (SCRIS) được báo cho tu sĩ biết. Ở đó bản chất của vụ án được xem xét cẩn thận. Nếu sắc lệnh được phê chuẩn, tu sĩ có thể kháng án thêm lên Signatura, nơi tiến trình sẽ được xem xét để đảm bảo rằng không có sai sót nào trong đó. h. Thẩm quyền trục xuất: số 185, SI và 188 nêu rõ rằng Đấng Bản quyền địa phương tiếp tục thủ tục trục xuất sau khi bề trên đã soạn thảo văn bản. Điều 699, 2 nói rõ rằng đơn viện tự trị được đề cập ở điều 615 có nghĩa vụ gửi các văn bản tới bản quyền địa phương. Tuy nhiên, các đơn viện Đa Minh không thuộc điều 615. Có vẻ thích hợp hơn nếu giao phó tiến trình này cho Bề Trên Tổng Quyền.

2. Một số vấn đề liên quan đến của cải vật chất

a. Bồi thường cho các chị em đã rời đi hoặc bị trục xuất:

Điều 702 nói rõ rằng một nữ đan sĩ rời đi hoặc bị trục xuất không thể đòi hỏi bất cứ điều gì nhưng phải được đối xử bằng lòng bác ái. Hiến pháp đề cập rằng một nữ đan sĩ như vậy sẽ được trợ cấp trong một thời gian.

b. Chuyển nhượng:

chuyển nhượng là việc chuyển giao quyền sở hữu của bất kỳ tài sản giáo hội từ đơn viện cho chủ sở hữu khác. Sự chuyển nhượng cũng bao gồm bất kỳ giao dịch hoặc hành động nào mà theo đó tài sản ổn định của đơn viện có thể bị nguy hiểm. Điều này bao gồm thế chấp, cho vay, trái phiếu, cho thuê dài hạn, v.v. - nếu giá trị bán, cho vay, v.v. nằm trong phạm vi một triệu đô la (tại thời điểm hiện tại) thì phải có sự cho phép bằng văn bản của cấp trên có thẩm quyền. Theo điều 638, 4, dường như bề trên này sẽ là Bề Trên Tổng Quyền.

-nếu giá trị vượt quá một triệu đô la thì phải xin phép Tòa thánh (SCRIS). Lời thỉnh cầu được gửi tới Tổng trưởng SCRIS và chứa tất cả thông tin thích hợp:

° bản chất của việc chuyển nhượng ° số tiền liên quan ° nếu bán, hai lần thẩm định ° nếu một khoản vay, khả năng nợ và vật thế chấp được cung cấp ° hiện nay, ý kiến tán thành của bản quyền địa phương.

Đêm qua khi tôi lên máy bay, họ đã đưa ra thông báo ban đầu là: "Chúng tôi có một bản sao tạp chí của chúng tôi trong chiếc túi nhỏ ở ghế trước mặt mà quý vị có thể mang theo khi rời đi." Vì vậy, khi chúng tôi hạ cánh ở Hartford, tôi đã với tay vào, lấy nó và bỏ vào cặp. Đêm qua sau khi đến nơi, khi tôi đã thức dậy trong phòng, tôi mở cặp để lật giở cuốn tạp chí này. Đó là tạp chí của công ty US Air. Nhưng tôi đã không nhặt cuốn tạp chí đó lên. Do nhầm lẫn còn có một cái khác trong túi nhỏ. Đó là BAZAAR. Bạn đã bao giờ nghe nói về nó chưa? Đó là tạp chí thời trang

dành cho phụ nữ. Tôi xem qua nó. Nó có đủ loại quảng cáo về đồ trang sức và quần áo kỳ lạ. Một người nào đó muốn sống theo những tiêu chuẩn do tạp chí này đặt ra có lẽ sẽ cần thu nhập hàng tuần bằng hoặc cao hơn thu nhập của tất cả chúng ta trong căn phòng này cộng lại. Đêm qua và sáng nay tôi đã nghĩ đi nghĩ lại khi thức dậy những điều mà một số tín đồ của tạp chí này sẽ nghĩ về bạn. Họ có thể sẽ nói: "Họ không hợp với nó. Họ đang sống ở một thế giới khác; họ không liên quan. Làm sao họ thực sự có thể ở bên nó được?" Và sau đó tôi cũng nghĩ đến những điều tốt đẹp có trong tạp chí này giúp tạo người nào đó trở thành ai đó, đồ trang sức, quần áo, nhiều kiểu thời trang lặt vặt khác nhau, cách làm cho mình trở nên xinh đẹp. Tất cả những điều này sẽ trở thành cát bụi vào một ngày nào đó. Thật vậy, những gì các bạn có, tất cả các bạn và tất cả chúng ta, là chúng ta đã bám chặt vào một điều gì đó quan trọng. Dòng Đa Minh mang lại ý nghĩa cho cuộc sống của chúng ta và đã không tan thành tro bụi sau gần 800 năm. Vì vậy, tôi cho rằng câu trả lời cho câu hỏi "Điều gì có liên quan?" là ở đó. Bạn có thể không nhận được BAZAAR trong tu viện của mình. Bạn không cần nó vì nó sẽ không thêm bất cứ điều gì vào cuộc sống của bạn. Trên thực tế, nó có thể làm bạn mất tập trung hơi nhiều.

Tôi rất vui có mặt ở đây và sự liên quan của dòng Đa Minh vẫn tiếp tục trong gần 800 năm qua. Vì sự không liên quan đó đối với cái gọi là thế giới "có liên quan", Dòng đã trở thành một loại nam châm cho chân lý của Chúa Kitô. Điều tôi muốn làm là thực hiện một hành trình nhỏ về luật và lập pháp, các quy phạm và quy định, và nâng cao khả năng của mỗi người chúng ta trong việc nhìn thấy ơn gọi Đa Minh của mình và cách sống ơn gọi đó một cách rõ ràng hơn một chút. Tôi có rất ít mối liên hệ với các nữ đan sĩ trong Dòng chúng ta, không phải do cố ý mà vì thiếu cơ hội. Khi chuẩn bị cho cuộc phiêu lưu này, cho những cuộc nói chuyện này, tôi phải thừa nhận rằng tôi đã rất e sợ, bởi vì tôi đang đi vào một lĩnh vực mà tôi không cảm thấy quen thuộc cho lắm. Nhưng sau khi nghiên cứu và đọc sách, tôi cảm thấy rất thoải mái và được khuyến khích nhìn lại cội nguồn và lịch sử dòng Đa Minh của chúng ta. Vào những ngày khi tôi tự hỏi liệu điều đó có đáng không, tôi có thể nghĩ đến điều này, rằng tôi chắc rằng hàng ngàn anh chị em khác đã tự hỏi mình: "Tất cả có xứng đáng không?" hơn 800 năm qua và chắc chắn là như vậy.

Điều đầu tiên cần xem xét là tinh thần lập pháp độc đáo của dòng Đa Minh. Mọi luật lệ phải được hiểu từ tinh thần của nó, chứ không chỉ từ chữ nghĩa. Người ta có thể hiểu luật từ tinh thần của nó bằng cách nhìn vào lý do nó tồn tại, nó tìm cách bảo vệ điều gì, mục đích của nó là gì. Luật được tìm thấy trong Giáo hội – cả giáo luật, bộ giáo luật và các luật "đặc biệt" khác, cũng như luật chi phối các cộng đoàn và dòng tu khác nhau – đều có ý định, ý nghĩa và mục đích vốn hoàn toàn khác biệt với bất kỳ hệ thống pháp luật nào khác trên thế giới. Mọi hệ thống pháp luật đều có ý định bảo vệ một lý tưởng, bảo vệ ý định của những người ban hành hệ thống pháp luật này. Ý định của Hiến pháp Hợp chúng quốc Hoa Kỳ là nuôi dưỡng cộng đồng người dân Hoa Kỳ. Nếu Hoa Kỳ bị chinh phục hoặc không còn tồn tại, Hiến pháp sẽ trở nên vô nghĩa vì ý định của nó sẽ không còn tồn tại. Các cơ cấu pháp lý của Hiệp sĩ Columbus có ý định bảo vệ các mục đích của tổ chức này. Nếu tổ chức bị giải tán, luật lệ của tổ chức đó không còn ý nghĩa. Tuy nhiên, các cơ cấu pháp lý của Giáo hội không chỉ quan tâm đến việc nuôi dưỡng và tồn tại của Giáo hội như là một cơ thể con người, như một tổ chức nhân loại. Hiến pháp của Dòng Đa Minh - các tu sĩ, nữ tu và nữ đan sĩ - có mục đích không chỉ duy trì lý tưởng Đa Minh, mà còn có mục đích hỗ trợ chúng ta bước vào cuộc sống mà chúng ta đã được tạo dựng cho, đó là cuộc sống vĩnh cửu. Đó là lý do hệ thống luật pháp của Giáo hội – nhằm hỗ trợ những người hành hương

vượt qua thung lũng đầy nước mắt này; và do đó, nó sẽ được giải thích, áp dụng, sử dụng và hiểu một cách khác biệt với bất kỳ hệ thống pháp luật nào khác. Tuy nhiên, Giáo hội không chỉ là Thân Mình Chúa Kitô, một thực tại đặc sủng thiêng liêng, mà còn là một tổ chức nhân loại chịu ảnh hưởng của các cơ cấu xã hội.

Những điều này sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của các thành viên, cách Giáo hội được hình thành và tiếp tục tồn tại. Các mô hình quản trị tồn tại vào thế kỷ 12 đã có ảnh hưởng lớn đến những gì Thánh Đaminh đã làm, đến cách ngài tổ chức cộng đoàn của mình, bởi vì chính những mô hình quản trị này đã có ảnh hưởng lớn đến các cộng đoàn tu trì khác vào thời đó.

Hầu hết các mô hình, hầu hết các cộng đoàn tu trì và dòng tu lúc bấy giờ đều sử dụng mô hình chế độ quân chủ vì đây là hình thức quản trị chiếm ưu thế lúc bấy giờ. Chế độ quân chủ là một hình thức cai trị hợp pháp vốn đã hướng dẫn nhiều tổ chức của con người hơn bất kỳ hình thức nào khác trong suốt lịch sử loài người. Mô hình chế độ quân chủ chắc chắn đã được các tu sĩ dòng Biển Đức áp dụng, nơi viện phụ là cha, ngài được bầu hoặc bổ nhiệm.

Rất thường khi ngài trở thành viện phụ vì mối quan hệ gia đình, điều này cũng không có gì lạ trong việc thành lập chính phủ. Một biến thể của điều này là mô hình được sử dụng bởi các giáo sĩ kinh sĩ. Đặc trưng mô hình quản trị của họ là quý tộc vì nó không phải là một cá nhân mà là một nhóm nhỏ các cá nhân kiểm soát, lãnh đạo việc quản trị của tổ chức. Quyền lực khi đó được tập trung vào các cá nhân và nó xuất phát từ trên đi xuống. Bằng sự bầu cử hoặc bổ nhiệm, một người trở thành người có quyền lực nhưng quyền lực được sử dụng để chỉ dẫn cho đời sống của người tu sĩ. Khi các hội nghị được tổ chức, chúng không thường xuyên và khi chúng diễn ra, chúng thực sự là sự thi hành quyền hành pháp của các nhà lãnh đạo, các viện phụ, giám mục hay bất cứ ai, sử dụng quyền lực của mình để chỉ dẫn đời sống của cộng đoàn hoặc để đáp ứng các nhu cầu phát sinh. Hai mô hình quản trị cơ bản này là quân chủ và quý tộc, phù hợp với mục đích của cộng đoàn tu trì lúc bấy giờ. Phần lớn các cộng đoàn tu trì đều ổn định. Họ là một cộng đoàn đã được thành lập và vẫn tồn tại.

Mục đích chính là duy trì hoạt động của “Opus Dei”, kinh nhật tụng, phụng vụ và phương tiện sinh sống vật chất hoặc kinh tế của cộng đoàn. Nhiều cộng đoàn và đan viện trong số này đã trở nên khá lớn mạnh. Sự ổn định, lao động chân tay, phụng vụ chung có tầm quan trọng hàng đầu, Thánh Đaminh đã phải điều chỉnh một số những yếu tố này, lối sống quân chủ, quý tộc, thông thường, để phù hợp với mục đích cơ bản của ngài khi thành lập một cộng đoàn tu trì để giảng dạy, rao giảng và học tập - tất cả những điều này trong bối cảnh sống một cuộc sống thường lệ. Ngài phải thích nghi với những nhu cầu này để tồn tại trong một môi trường thường là thù địch.

Sau khi đọc lịch sử hiến pháp của Dòng (tác phẩm của Vicaire và Mandonnet), ta thấy rằng người sáng lập của chúng ta là một cá nhân rất thực tế và thẳng thắn. Ngài cũng là một nhà lý luận xuất sắc, có tầm nhìn xa về hệ thống chính trị. Thánh Đa Minh, nếu không phải là người sáng lập Dòng, có lẽ đã đi vào lịch sử trong vai trò là một nhà khoa học chính trị hoặc nhà lý luận. Ngài bị ảnh hưởng bởi nhiều loại khuôn khổ thế tục và tôn giáo khác nhau, tuy nhiên ngài đã tạo ra một khuôn khổ hoặc kế hoạch chi tiết về quản trị rất thực tế, linh hoạt, lâu dài. Tính di động, miễn khỏi những yêu cầu của lao động chân tay và cơ hội học tập là quan trọng nhất. Rene

Galbraith, trong lịch sử hiến pháp của mình, nói rằng: "Các tu sĩ là những người đầu tiên và vẫn là những kinh sĩ." Humbert Romans lặp lại truyền thống của Dòng, nói rằng Thánh Đa Minh đã chọn Tu luật của Thánh Âu Tinh vì các điều khoản của nó đủ mơ hồ để cho phép kiểu sống đặc biệt và học hành và thuyết giảng mà ngài dự định rằng những người theo ngài sẽ sống mà không vi phạm bất kỳ điều khoản nào của nó. Có vẻ như chắc chắn rằng loại cuộc sống có nhiều tự do và ổn định hơn này sẽ không được phục vụ tốt bởi mô hình quản trị quân chủ hay quý tộc. Thánh Đaminh đã nghĩ ra một điều hoàn toàn độc đáo vào thời đó, đó là một hình thức quản trị đại diện. Quan niệm này có trách nhiệm với việc Dòng chúng ta chưa bao giờ chia rẽ, chưa bao giờ bị đàn áp, có những thời gian yếu đuối và khó khăn, nhưng chưa bao giờ trở thành nạn nhân của sự yếu đuối của con người mong tìm kiếm quyền lực. Quyền lực không phải là điều xấu, chỉ là việc sử dụng sai nó mà thôi. Khái niệm quản trị đại diện được đặt ra trên cơ sở tái phân bổ nguồn quyền lực. Từ việc tái phân bổ này xuất hiện những cân nhắc thực tế khác. Luật được xây dựng như thế nào và ai tạo ra chúng? Khả năng lãnh đạo xuất hiện như thế nào và nó được duy trì như thế nào? Bề trên với người dưới quyền có mối quan hệ như thế nào? Bản chất của một bề trên là gì? Những điều kiện tiên quyết cho chức vụ này là gì? Một trong những điều độc đáo bắt đầu đi vào đời sống tu trì, cả dòng chiến sĩ lẫn dòng tu lúc bấy giờ, là việc hội họp của các anh chị em. Đối với chúng tôi, các tu nghị là hội đồng lập pháp lớn duy nhất và vẫn như vậy. Đặc điểm quản trị quan trọng nhất của Dòng chúng ta là tu nghị, cuộc họp của các người dưới quyền tập hợp lại với nhau. Những người này luôn bao gồm các đại diện của cộng đoàn. Tu sĩ Đa Minh chưa bao giờ có quyền bầu cử phổ thông dưới hình thức quản trị. Các đại hội chính, tổng hội, tỉnh hội chưa bao giờ hoạt động mà mọi người đều có phiếu bầu. Ở thời điểm hiện tại và nhìn lại lịch sử, bản thân Tòa Thánh không phải lúc nào cũng có cái nhìn nhân từ, và vẫn không có cái nhìn nhân từ đối với vấn đề phổ thông đầu phiếu. Các cộng đoàn thường xuyên yêu cầu có quyền bầu cử phổ thông trong cuộc bầu cử, những chủ tọa tối cao và thông thường Tòa Thánh đã bác. Rất ít trường hợp ngoại lệ đến từ các cộng đoàn nhỏ nơi mọi người đều biết nhau. Khi tu sĩ Đa Minh dự tu nghị, các đại diện đều bình đẳng. Trong tu nghị, tu viện trưởng và socii hay socius của anh có tiếng nói bình đẳng. Tu viện trưởng không có hai phiếu bầu và một phiếu socius. Điều này cũng đúng với các nữ đan sĩ vì họ chia sẻ mật thiết trong tinh thần và tiến trình quản trị này. Bề Trên Giám Tỉnh cũng vậy, trong suốt tu nghị đều bình đẳng với những người khác. Các đại diện, các đại diện kinh sĩ, dù là nữ đan sĩ, linh mục hay tu sĩ, đều được hưởng quyền tự do lựa chọn trong việc bỏ phiếu cho các cá nhân hoặc cho các vấn đề. Họ không bị ràng buộc phải tuân theo hướng dẫn của khu vực bầu cử của họ. Các đại biểu được bầu lắng nghe những gì các thành viên của cộng đoàn hoặc tập thể nói, những gì họ muốn và cần, nhưng cũng như trong bất kỳ cách quản trị đại diện tốt nào, họ có quyền tự do thay đổi quan điểm vì những cuộc thảo luận diễn ra sau đó khi đại hội tu nghị họp. Do đó sức mạnh đến từ tất cả. Nguồn sức mạnh của Thánh Đaminh là hội nghị được xây dựng trên sự trưởng thành, ổn định và trung thực vốn thúc đẩy các thành viên mong muốn những gì tốt cho cộng đoàn và cuối cùng là những gì tốt cho Giáo hội.

Điểm quan trọng tiếp theo là sự hiểu biết về bản chất của vị bề trên trong lối sống Đa Minh của chúng ta. Dòng, hội đồng, trao quyền lực cho bề trên. Ý tưởng của tu sĩ Đa Minh về bề trên gần giống nhất với ý niệm về tư cách thành viên trong Thân Mình Chúa Kitô được tìm thấy trong Lumen Gentium. Tất cả các bề trên của chúng ta đều được bầu chọn. Luôn có một khoảng thời gian nhất định cho triều đại của họ. Chúng không kéo dài mãi mãi ngoại trừ T.S. Mc

Dermott, người có vẻ như có thể. Đó không phải là xấu, anh ấy đã làm rất nhiều điều tốt. Phần lớn nhiệm kỳ của các bề trên của chúng ta rất hạn chế. Vị trưởng tu viện đã từng giữ chức vụ được mười hai năm và thời gian này đã trở thành chín năm. Các tu viện trưởng có nhiệm kỳ ba năm, các giám tỉnh lâu hơn một chút. Điều thú vị là khi nhiệm kỳ bề trên kết thúc, anh từ nhiệm và trở lại công việc và chức vụ bình thường trong cộng đoàn, như thể anh chưa từng giữ một chức vụ nào cả. Có sự bình đẳng tuyệt đối giữa các tu sĩ tuyên khấn trong cộng đoàn, các nữ đan sĩ và các tu sĩ. Quyền ưu tiên được tính không phải theo ngày sinh, không phải theo vị trí của cộng đoàn mà người đó xuất thân, mà dựa trên quyền ưu tiên gia nhập Dòng. Chỉ riêng kinh nghiệm và khả năng thôi đã mang lại cho người ta danh tiếng và sự thăng tiến trong Dòng. Điều này không phải lúc nào cũng như vậy, khi sự yếu đuối của con người xuất hiện trong hoàn cảnh đó. Ít nhất Thánh Đaminh biết, về mặt lý thuyết, chúng ta con cái Thiên Chúa có khả năng gì. Lumen Gentium nói đi nói lại về tất cả chúng ta và Giáo hội là Dân Thiên Chúa, về sự bình đẳng tinh thần giữa tất cả mọi người cho dù họ mặc trang phục nào, họ có chức vụ gì. Sau đó nó nói về các vai trò, chức năng, mục vụ và vị trí khác nhau trong Giáo hội về mặt phục vụ và cho đi. Đây là điều mà Thánh Đa Minh dường như đã nghĩ tới khi xây dựng hiến pháp của mình liên quan đến vai trò của bề trên. Tất cả đều bình đẳng nhưng một số được yêu cầu phục vụ một cách rất độc đáo. Việc phục vụ này diễn ra trong một khoảng thời gian nhất định và theo một nghĩa nào đó, nó mang tính bác ái đối với ngài vì ngài nhận ra rằng nếu một người nắm quyền quá lâu, điều đó có thể khiến người đó kiêu căng. Quyền lực có thể gây hư hỏng. Bằng cách này có được một sự kiểm tra và cân đối. Có một câu ngạn ngữ xưa: “Bạn phải đối xử tốt với những người đang đi lên vì họ cũng sẽ là những người bạn gặp trên đường đi xuống.” Tinh thần lập pháp của dòng Đa Minh đòi hỏi một sự trưởng thành nhất định. Luôn có nhiều sự độc lập trong cộng đoàn của chúng ta, trong Dòng của chúng ta, một sự độc lập giúp các anh em tự do di chuyển khắp nơi để đáp ứng các nhu cầu dù họ ở đâu. Bởi vì không có sự ổn định đối với một cộng đoàn nên cần phải phát triển sự trưởng thành ở mức cao hơn. Điều này đòi hỏi phải đặt nhiều niềm tin hơn vào cá nhân và các bề trên. Vì sự độc lập và trưởng thành này, cả các nữ đan sĩ và các tu sĩ đều có một phương pháp tiếp tục canh tân hiến pháp và lập pháp của mình. Những điều này không bao giờ được bất cứ ai chấp thuận dứt khoát. Là tu sĩ Đa Minh, chúng ta có đặc quyền đó. Đây là dấu hiệu của sự tin tưởng trong cộng đoàn của chúng ta rằng hiến pháp của chúng ta, để được thay đổi, cần phải có ba tu nghị liên tiếp, bảo vệ chúng ta khỏi sự bốc đồng từ phía các đại diện kinh sĩ. Điều này cũng cho phép nhận ra những hoàn cảnh đang thay đổi trong xã hội nơi chúng ta làm việc và sinh sống. Là tu sĩ Đa Minh, chúng ta có trách nhiệm, các anh chị em có trách nhiệm đánh giá các nhu cầu của Dòng, liên quan đến, nhu cầu của Giáo hội. Chúng ta có trách nhiệm thực hiện những thay đổi phù hợp. Không ai cho chúng ta biết những điều này là gì» chúng ta phải dựa vào sự thông tri của chúng ta với Thánh Thần. Trong tất cả những điều này, người ta cho rằng điều quan trọng nhất là lợi ích của Giáo hội, sau đó là lợi ích của Dòng, sau đó là lợi ích của cộng đồng địa phương, nhưng trên hết là lợi ích của Giáo hội. Không có Giáo hội, chúng ta chẳng là gì và không có quyền tồn tại » chúng ta phục vụ Giáo hội.

Sự vâng phục, điều then chốt và cần thiết trong lối sống và tinh thần lập pháp của chúng ta, được thực hiện đối với bề trên. Tất cả chúng ta, trong lời khấn trọng, đã vâng phục Bề Trên Tổng Quyền và những người kế vị ngài» Chúng ta vâng phục con người của ngài. Chúng ta không vâng phục cuốn sách luật chứa đựng hiến pháp và Tu luật của Thánh Âu Tinh. Chúng ta không vâng phục một lá thư chết, mà vâng phục một lá thư sống như được vị kế vị Thánh Đa

Minh hướng dẫn, chỉ đạo và giải thích. Điều này tự nó đòi hỏi một niềm tin tưởng to lớn và sự thừa nhận rằng Thánh Thần của Thiên Chúa, Chúa Thánh Thần, đang hướng dẫn Bề Trên Tổng Quyền.

Trong hiến pháp Đa Minh của chúng ta có quyền miễn trừ, duy nhất trong luật của Giáo hội. Có một quyền miễn trừ nào đó trong hệ thống pháp luật thế tục, nhưng không phải là yếu tố phổ biến. Nó ở trong luật của chúng ta.

Ngoại trừ thực tế là các luật Thánh không thể được miễn trừ, ngoại trừ bởi Thiên Chúa, và trong một số trường hợp ngoại lệ khác, hiến pháp của chúng ta có thể được miễn trừ bởi các bề trên có trình độ. Với chính bộ luật giáo luật, giám mục, bản quyền địa phương, có thể miễn trừ hầu hết các luật kỷ luật của giáo hội trừ khi điều này được dành riêng cho Tòa thánh hoặc nếu đó là luật Thánh. Điều này cho thấy có điều gì đó vượt ra ngoài luật pháp và đó là sự định hình con người. Có những nhu cầu của các cá nhân, của con người, có thể vượt xa những gì luật pháp đã hình dung. Thật đúng khi nói rằng bất cứ khi nào một đạo luật được ban hành thì nó trở nên lỗi thời. Đây không phải làm giảm giá trị luật mà nó có nghĩa là chúng ta đi tiếp, cuốn sách vẫn như khi in. Chúng ta đi tiếp và phải biết cách giải quyết một cách thông minh trước nhu cầu và luật. Về vấn đề miễn trừ, chỉ có Đức Thánh Cha mới có thể miễn trừ mọi luật kỷ luật của giáo hội, dù là cụ thể hay phổ quát, và trong một số trường hợp, ngài có thể miễn trừ luật tích cực của Thiên Chúa.

Luật pháp phát triển từ tinh thần Giáo hội là gì, nó dựa trên bản chất của Giáo hội. Vào thời điểm ban hành bộ luật năm 1917, định nghĩa chung về Giáo hội là “xã hội hoàn hảo”. Bộ luật xem xét cấu trúc vì nó nảy sinh từ khuôn mẫu của chính phủ, chính trị của thời đó. Xã hội hoàn hảo có trong đó tất cả những gì cần thiết cho sự cứu rỗi. Ở thời điểm hiện tại, luật pháp được coi là một cái gì đó mang vào thực tế thiết thực chiều kích lý thuyết của Giáo hội như dân Thiên Chúa. Điều này nảy sinh từ khái niệm trong Mystici Corporis coi tất cả các chi thể đều là những phần quan trọng và thiết yếu trong Thân Mình Chúa Kitô. Là thành viên của Thân Thể này, có trách nhiệm đảm bảo rằng nó phát triển trên trái đất này, mỗi chúng ta đều có sự bình đẳng về mặt tinh thần. Vai trò, chức vụ và chức năng của chúng ta đều quan trọng như nhau trong việc xây dựng Thân Thể. Điều này gây ấn tượng với tôi nhất khi chúng ta cử hành Bí tích Thánh Thể*, cuộc đời của các nữ đan sĩ không được nhìn thấy và không được biết đến, khi họ qua đời, được chôn cất và được cầu nguyện trong các đan viện, có lẽ sẽ chỉ có một vài người hiện diện. Khi một Hồng y, một tổng giám mục, Đức Thánh Cha qua đời, cả thế giới nhìn đó như một cộng đoàn rộng lớn hơn. Đây là một trong những thánh giá chính mà tất cả chúng ta đều vác khi làm người tu sĩ. Đây là sự nhận thức rằng chúng ta đang sống bằng một chân trong hai thế giới. Vì vậy, việc chúng ta mặc gì không quan trọng khi họ đặt chúng ta vào chiếc hòm đó bởi vì nó chỉ là một đồng bụi. Điều quan trọng là chúng ta đã làm gì để xây dựng Thân Thể này. Lời cầu nguyện liên tục của các nữ đan sĩ cho các anh em linh mục đang trên đường đi và không phải lúc nào cũng dành thời gian để cầu nguyện cho mình là một niềm an ủi lớn lao và cũng quan trọng như công việc của Cha Tổng quyền, Sứ thần Tòa Thánh hoặc Cha đặc trách. Tất cả đều quan trọng trong việc xây dựng Thân Thể này. Nó cần một tinh thần để giữ cho nó sống động và đó là lúc lời cầu nguyện xuất hiện. Đó là phần quan trọng nhất của các nữ đan sĩ trong việc chia sẻ cuộc sống của chúng ta, và phần quan trọng nhất của chúng ta trong việc chia sẻ với đời sống

các nữ đan sĩ* đây là ơn gọi thuyết giảng của các nữ đan sĩ. Cần phải ghi nhớ sự bình đẳng tinh thần này và nhớ rằng bình đẳng không có nghĩa là giống nhau. Chúng ta có thể có sự bình đẳng về mặt tinh thần trước mắt Chúa. Người ta có thể được trao một số quyền* Cha Tổng Quyền được trao nhiều quyền hơn. Chúng ta có sự bình đẳng trong mắt Ngài. Chúng ta có trách nhiệm lớn lao phải sống xứng đáng với thẩm quyền được giao. Điều 20 nói* “Các tín hữu của Chúa Kitô, Christi fideles, là những người kể từ khi được tháp nhập vào Chúa Kitô qua Bí tích Rửa tội được tạo thành dân Thiên Chúa. Vì lý do này, họ tham gia theo cách riêng của họ vào chức vụ tư tế, ngôn sứ và vương đế của Chúa Kitô.” Lần đầu tiên trong các cuốn sách pháp lý của mình, chúng ta có định nghĩa về Giáo hội là gì và những mối ràng buộc nào ràng buộc chúng ta với Giáo hội này. “Giáo Hội” là Giáo Hội Công Giáo, Thân Thể Chúa Kitô dưới quyền Đức Thánh Cha, là người kế vị Thánh Phêrô và các giám mục hiệp nhất với ngài. Đây là mối dây ràng buộc người Công giáo với Giáo hội? Đó là sự hiệp nhất có tính cách quản trị, sự hiệp nhất trong các bí tích và việc tuyên xưng đức tin. Hơn nữa, nó cho chúng ta biết trong giáo luật đời sống tu trì phải là một phần trong cơ cấu phẩm trật của Giáo hội. Cơ cấu phẩm trật này là mô hình quản trị thông qua đó quyền lực được phân phối. Đời sống tu trì là một phần của chiều kích thiêng liêng và đặc sủng hơn của Giáo hội. Nó liên quan mật thiết đến sự thánh thiện của Giáo hội vì nó cho thấy có những người đã đi tới giới hạn về tiềm năng thánh thiện mà Thiên Chúa đã ban cho. Đức Thánh Cha rất quan tâm đến đời sống tu trì trong phần sau của thế kỷ 20, và điều đó đúng. Ngài đã bày tỏ mối quan tâm thực sự đối với tình trạng của các cộng đoàn hoạt động tông đồ, đặc biệt là ở Hoa Kỳ. Ngài đã gửi một lá thư cho các giám mục trong một tài liệu có tựa đề Những Yếu Tố Thiết Yếu của Đời Sống Tu Trì. Điều này đã gây kinh ngạc đối với một số tu sĩ ở đất nước này.

Tài liệu thực sự liên quan đến hầu hết nếu không nói là tất cả. Nó không có gì cấp tiến hay mang tính cách mạng và cũng không có gì độc đáo hay mang tính lật đổ. Nó chỉ là sự chất lọc từ điểm cao nhất của luật cơ bản của Giáo hội một số yếu tố cơ bản nhất định từ bộ luật, các tài liệu khác nhau kể từ Vatican II và từ Perfectae Caritatis. Tại sao ngài quan tâm? Ngài quan tâm vì vai trò của tu sĩ trong đời sống Giáo hội là dấu hiệu của sự mâu thuẫn. Các tu sĩ không lấy đi cuộc sống của mình khỏi xã hội thế tục nơi họ sống* họ trao cuộc sống cho xã hội đó. Vì vậy, Đức Thánh Cha đã ban hành một ủy ban đặc biệt để xem xét các cộng đoàn tông đồ nhằm xác định lý do tại sao có sự sụt giảm số lượng tu sĩ, để xem xét sự tương tác với thế giới, ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta về các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa vốn đang hoạt động tích cực trong xã hội Mỹ vào nửa sau của thế kỷ này.

Hy vọng nghiên cứu này và việc xem xét kỹ hơn những yếu tố thiết yếu này sẽ mang lại nhận thức rõ ràng hơn về vai trò của chúng ta trong lịch sử. Một số tinh thần của bộ luật mới có thể được hiểu là đã nảy sinh từ Hội đồng và nơi chúng ta đã ở trong vài thập kỷ qua. Hiểu được điều này, chúng ta sẽ hiểu thêm một chút về cách áp dụng tinh thần này vào hiến pháp của các nữ đan sĩ. Đã có sự chuyển đổi từ chi tiết và khái quát hóa chi tiết sang cái cụ thể. Nguyên tắc của bộ luật mới là Giáo hội là dân Thiên Chúa. Vì vậy, trách nhiệm đối với phần lớn đời sống thực tiễn của Giáo hội đi từ quyền lực tập trung đến Giáo hội địa phương đến cộng đoàn rộng lớn hơn. Từ đó phát triển nguyên tắc hỗ trợ trong việc tạo ra một hệ thống pháp lý cho Giáo hội. Nguyên tắc này nảy sinh từ ý nghĩa của Giáo hội là dân Chúa chia sẻ trách nhiệm.

Có sự giảm bớt trong quy tắc của chi tiết cụ thể. Điều này có thể khó chấp nhận đối với một số người vì chúng ta mong đợi luôn đọc sách và tìm câu trả lời cho vấn đề của mình* nó không còn ở đó nữa. Còn lại dành cho những gì chúng ta gọi là luật cụ thể. Đó là luật tồn tại trong sách hiến pháp. Đây là luật đặc biệt dành cho các nữ đan sĩ Đa Minh. Luật cụ thể là hiến pháp! Luật chung là bộ luật. Thật khó trong “ở đây và bây giờ” để chuyển từ cách tiếp cận luật này sang khái niệm hỗ trợ và đưa ra luật cụ thể, bởi vì chúng ta muốn quay lại những gì chúng ta đã có trước đây. Chúng ta muốn cố gắng bao gồm tất cả những yếu tố khác này trong khi thực sự chúng tôi nên xóa một số yếu tố nhất định khỏi luật của mình, chỉ giữ lại những yếu tố thiết yếu và cần thiết vào thời điểm này. Vì vậy, sự đơn giản và khái niệm hỗ trợ được đảm bảo bởi sự tin tưởng mà Thánh Đa Minh đã xây dựng trong hệ thống quản trị của mình. Điều này được đảm bảo bởi thực tế là quyền lực thuộc về các anh chị em Đa Minh trưởng thành, những người ban hành luật và trao quyền. Chính nhờ điều này mà chúng ta được yêu cầu quay trở lại với tinh thần của người sáng lập. Giờ đây, công việc quay trở lại với tinh thần và đặc sủng của người sáng lập đã bị lạm dụng rất nhiều trong nhiều thập kỷ qua bởi các nhóm ban hành luật cụ thể của riêng họ, đã cố gắng bắt cứ thứ gì và mọi thứ vào mô tả họ là ai và là gì. Trên thực tế, để trở lại với sự hiểu biết về tinh thần của người sáng lập đòi hỏi phải có sự nghiên cứu và soi sáng rất lớn. Là tu sĩ Đa Minh, chúng ta không chỉ cần đọc những gì Thánh Đa Minh và các nữ đan sĩ đầu tiên ở Prouille đã làm và cách họ sống, mà còn tại sao họ làm những gì họ đã làm và điều gì đã ảnh hưởng đến họ từ thế giới nơi họ sống.

Chúng ta không làm những gì những người ở thế kỷ 11, 12 và 13 này đã làm. Chúng ta muốn tìm hiểu lý do tại sao họ đã làm những gì họ đã làm, tại sao họ lại sống theo cách họ đã sống, tại sao Đa Minh lại xây dựng quyền lực miễn trừ, tại sao ngài là một kẻ nổi loạn và cấp tiến trong việc tạo ra mô hình quản trị đại diện cho hội đồng này. Trở về với tinh thần của người sáng lập không phải là một lối thoát lãng mạn hay ngây thơ để bước vào một thời đại khác khi mọi thứ luôn trông có vẻ tốt đẹp hơn. Người ta đã nói nhiều về việc đưa phụng vụ trở lại phụng vụ của Giáo hội nguyên thủy. Không ai thực sự biết họ sống như thế nào trong nhà thờ nguyên thủy, vì sau Sắc lệnh của Constantine, mọi thứ đã thay đổi. Thực tế mà nói, có rất ít thông tin thực sự được biết về những cuộc hội họp đầu tiên đó như thế nào ngoài những gì chúng ta đã mô tả cho chúng ta trong một số đoạn thư trong Tân Ước và một số tác phẩm của Kitô giáo thời kỳ đầu.

Tôi không muốn quay trở lại cách thức như thời Giáo hội sơ khai khi có ai đó lấy giáo dân vào cổ tôi. Tôi thích sống dễ dàng hơn một chút. Tôi không muốn cử hành Thánh lễ trong hang động. Tôi thực sự thích vẻ đẹp lộng lẫy của một thánh đường đẹp đẽ. Tôi nghĩ rằng thay vì quay trở lại môi trường vật chất xung quanh, chúng ta phải quay trở lại với tinh thần nguyên thủy. Đối với Đa Minh, tinh thần nguyên thủy này chứa đựng rất nhiều tinh thần truyền giáo, tinh thần truyền giáo ở nhà cũng như ở nơi khác mang theo Thánh Thần của Chúa Kitô, nhưng cũng học hỏi điều này đòi hỏi điều gì. Để truyền bá sự thật, người ta không thể chỉ cảm thấy hài lòng về nó mà còn phải có thứ gì đó để cho đi. Thánh Thomas nói rằng bạn không thể cho đi những gì bạn không có. Khi khẩn trọng thể, không phải tất cả chúng ta đều được truyền thụ hoàn toàn kiến thức về Tin Mừng. Chúng ta phải học hỏi liên tục để truyền bá điều này. Giáo Hội và luật mới quan tâm đến di sản của các tổ chức khác nhau. Có hai bộ luật rất quan trọng để hiểu luật cụ thể.

Điều 578 nói: “Toàn bộ gia sản của một tu hội phải được mọi người trung thành bảo tồn. Gia sản này bao gồm ý định của những người sáng lập, tất cả những gì mà cơ quan có thẩm quyền của giáo hội đã phê chuẩn liên quan đến bản chất, mục đích, tinh thần và đặc tính của tu hội và truyền thống vững chãi của nó.” Điều 586 nói: “Một đời sống tự trị đích thực, đặc biệt là quản trị, được công nhận cho mỗi cơ sở. Sự tự trị này có nghĩa là mỗi tu hội có kỷ luật riêng trong Giáo hội và có thể bảo tồn đầy đủ và toàn bộ di sản được mô tả trong giáo luật 578. Các bản quyền địa phương có trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ quyền tự trị này.” Đây là một nghĩa vụ mà các vị bản quyền địa phương, các giám mục, phải bảo vệ, giữ gìn và đảm bảo sự tự trị của chúng ta trong vai trò là tu sĩ Đa Minh, cũng như sự tự trị của dòng Cát Minh và sự tự trị của dòng Phanxicô. Một số khía cạnh này của di sản của chúng ta là gì? Tất cả các khía cạnh đó là truyền thống quản trị và tinh thần của nó, đời sống trí thức, học tập, giảng dạy, thuyết giảng, sự miễn trừ từ các bản quyền địa phương, cách chúng ta phát triển luật pháp cụ thể.

Khi thảo luận về mối quan hệ của bản quyền địa phương với sự tự trị của dòng Đa Minh, vấn đề miễn trừ nổi lên. Những sự miễn trừ đã thực sự được mài giũa và đưa vào ứng dụng thực tế đầu tiên với Dòng của chúng ta. Miễn trừ là gì? Đó là một đặc ân được Đức Thánh Cha, vị giám mục tối cao, ban cho một cộng đoàn. Lumen Gentium, số 45, nói rằng Đức Giáo Hoàng có thể miễn trừ các tu sĩ khỏi các vị bản quyền địa phương và có thể giao phó họ cho các cơ quan có thẩm quyền thượng phụ thích đáng chăm sóc.

Trong bộ luật mới, điều 591 nhắc lại vấn đề miễn trừ. Như đã nêu, miễn trừ là một đặc quyền. Những cộng đoàn được miễn trừ theo bộ luật năm 1917 vẫn được miễn trừ trừ khi đặc quyền đã bị thu hồi một cách rõ ràng theo điều 4. Tất cả các tu sĩ đều sống ơn gọi của mình, thực hiện việc tông đồ của mình, kể cả các nữ tu dòng kín, trong bối cảnh giáo hội địa phương là giáo phận. Giáo phận không còn là thái ấp của Đức Thánh Cha do một trong các cha đại diện của ngài chủ trì, được gọi là giám mục. Theo Lumen Gentium và Christus Dominus, giáo hội địa phương giờ đây là một phần của dân Chúa và giám mục là đại diện của Chúa Kitô ở đó. Do đó, phải có mối quan hệ tôn trọng và trách nhiệm lẫn nhau giữa các cộng đoàn tu trì sống và làm việc trong giáo phận địa phương, giáo hội địa phương và vị đại diện Chúa Kitô của giáo phận này. Chúng ta làm việc với ngài và cho ngài. Tuy nhiên, vì công việc và đời sống đặc biệt của cộng đoàn Dòng của chúng ta, chúng ta có đặc quyền được miễn trừ này. Vì việc nó là một đặc ân nên chúng ta phải sống theo và đáp ứng những yêu cầu đi kèm với đặc ân đó. Trong luật cũ, bộ luật 1917, và trong các điều luật mới, việc miễn trừ chủ yếu được áp dụng cho việc quản trị nội bộ và đời sống của một tu hội cụ thể. Chúng ta không coi bản quyền địa phương là bản quyền riêng biệt của chúng ta. Vị bản quyền riêng biệt của chúng ta, người chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức, sắp xếp đời sống nội tâm của chúng ta, vốn là điều quan trọng nhất đối với chúng ta, là Bề Trên Tổng Quyền, người kế vị Thánh Đa Minh. Ngài không chỉ là một giám đốc điều hành được bổ nhiệm bởi ban giám đốc để thực hiện mệnh lệnh của họ. Ngài còn hơn thế nữa. Ngài hiện thân cho tinh thần của người sáng lập của chúng ta. Thứ hai, đối với anh em, đẳng bản quyền riêng biệt là giám tỉnh, là bề trên cao cấp.

Khi luật đề cập đến "bản quyền", nó thường làm như vậy trong hai bối cảnh. Nó nói "bản quyền" hoặc "bản quyền địa phương". Đây là những thuật ngữ kỹ thuật. Bất cứ khi nào nó nói "bản quyền địa phương", điều đó trước hết và trên hết đề cập đến giám mục cư trú giáo phận và

những người khác tương đương với ngài trong luật. Phủ doãn tông tòa là bản quyền địa phương*, các cha tổng đại diện là các đảng bản quyền địa phương*, cũng như các đại diện tông tòa. Trong một số trường hợp nhất định, bộ luật sẽ không đề cập đến quyền lực của bản quyền địa phương mà là đảng bản quyền. Trong trường hợp này nó đề cập đến đảng bản quyền riêng biệt. Đó có thể là một bản quyền địa phương, và đối với các tu sĩ, đó sẽ là bề dòng của họ. Trong những trường hợp khác, giáo luật đề cập đến một số quyền miễn trừ hoặc hành động nhất định, và cụ thể hóa nó bằng cách đề cập đến giám mục giáo phận. Đây không phải là một trong các giám mục phụ tá hay tổng đại diện mà là quyền lực chỉ dành riêng cho chính giám mục. Điều này thường liên quan đến mức độ nghiêm trọng hoặc tầm quan trọng của hành động được thực hiện. Bản quyền địa phương có trách nhiệm đối với tất cả các tu hội đề cập đến việc chăm sóc các linh hồn. Đó là những linh hồn bên ngoài, linh hồn của chính chúng ta và linh hồn của Giáo hội rộng lớn hơn cũng như những vấn đề cơ bản cho đời sống của Giáo hội. Ngài có trách nhiệm và nghĩa vụ phải đảm bảo rằng những điều này được bảo vệ theo quan điểm của Giáo hội. Nếu ở một trong các đan viện, thường xuyên có nhiều tín hữu tham dự Thánh lễ, mặc dù đó là nhà nguyện riêng, thì bản quyền địa phương có quyền thận trọng về chiều kích này của đời sống họ. Nếu ngài phát hiện ra rằng cha tuyên úy và các nữ đan sĩ đang hoạch định những nghi lễ phụng vụ có phần kỳ quái, ngài có quyền và nghĩa vụ can thiệp. Mặc dù thông thường ngài không có quyền coi sóc đời sống nội bộ của dòng nhất và dòng nhì, nhưng nếu có những lạm dụng hoặc sơ suất nghiêm trọng thuộc loại nào đó và ngài nhận thức được điều này, ngài có quyền can thiệp. Chẳng hạn, gần đây tôi phải đối mặt với một tình huống của một cộng đoàn kín, không phải dòng Đa Minh, trong đó có những vấn đề hết sức nghiêm trọng liên quan đến một số điều rất kỳ lạ. Trong những trường hợp này, bề trên cấp cao của nam, người có thẩm quyền, đã không can thiệp vì ngài không biết về việc đó. Nhưng điều đó đã thu hút sự chú ý của hai vị bản quyền địa phương nơi các đan viện tọa lạc trong các giáo phận của các ngài (một đan viện và một cơ sở con) và những vị bản quyền địa phương này đã can thiệp. Họ đã hành động đúng đắn vì điều đầu tiên họ làm là cố gắng dàn xếp người thay thế tạm thời và sau đó họ giải quyết với Tòa thánh bằng cách yêu cầu một vị kinh lý từ thẩm quyền đại thượng phụ.

Có một số điều luật nhất định trong bộ luật đề cập đến mối quan hệ của các nữ đan sĩ với bản quyền địa phương. Có nhiều điều luật đề cập đến mối quan hệ của các dòng hoạt động tông đồ. Đây là những điều luật nói về các nữ tu dòng kín trong các đan viện. Có hai loại đan viện. Có những đan viện tự trị, nằm dưới thẩm quyền của đảng bản quyền địa phương, và có những đan viện liên kết với một tu hội nam. Có hai điều luật phù hợp rất quan trọng để hiểu các điều luật còn lại trong bộ luật và một số quy định trong hiến pháp của các chị* Điều 614 và điều 615. Tôi xin trình bày dần dần những điều đó. Thay vì giải thích tất cả chín hoặc mười điều luật đề cập đến mối quan hệ, tôi sẽ đánh dấu vào những lĩnh vực thích hợp. Điều \$Q6 thảo luận về cuộc sống tự trị thực sự. Điều này đã được đề cập. Điều 586, đoạn hai nói* "Đảng bản quyền có trách nhiệm bảo vệ gia sản của chúng ta, sự tự quản của chúng ta." Điều 609 chỉ nói rằng trước khi một đan viện dành cho các nữ tu dòng kín được thành lập, phải có sự cho phép của giám mục giáo phận mà nó được thành lập ở giáo phận đó và sự cho phép của Tòa Thánh. Bất kỳ tu viện nào, nếu muốn thực hiện các công việc tông đồ trong tu viện đó mà không phải là những công việc với mục đích mà tu viện đó được thành lập, thì cần phải có sự cho phép của giám mục địa phương. Nếu trong một trong các đan viện có ý muốn thành lập trường dạy giáo lý vì nhu cầu, phải được sự cho phép của giám mục địa phương. Đức giám mục giáo phận có quyền và nghĩa

vụ viếng thăm các đan viện tự trị - những nơi không liên kết với một tu hội nam. Các điều luật không nói rằng giám mục giáo phận có quyền và nghĩa vụ viếng thăm các đan viện tự trị có liên kết với một tu hội nam. Tuy nhiên, giám mục địa phương, theo điều 630, có quyền phê chuẩn các cha giải tội cho các đan viện tự trị. Một số tu viện tự trị, những tu viện không liên kết với nam giới, phải nộp báo cáo tài chính cho bản quyền địa phương. Trong bất kỳ sự chuyển nhượng tài sản nào, đều cần có sự cho phép nhất định của đáng bản quyền địa phương. Giám mục giáo phận, nếu có lý do chính đáng, có thể vào khu vực nội vi của tất cả các đan viện trong giáo phận của mình. Với sự cho phép của nữ đan viện trưởng, ngài có thể cho phép người khác vào và ngài cũng có thể cho phép các nữ tu rời đi một thời gian. Phần của bộ luật liên quan đến của cải vật chất nói rằng bản quyền địa phương có thể can thiệp vào bất kỳ đan viện nào khi có bằng chứng về sự sơ suất của người quản lý của cải vật chất. Đây có thể là sơ suất có tội hoặc sơ suất không có tội. Nếu thủ quỹ đang khiến tu viện gặp nguy hiểm về tài chính, và vị giám mục phát hiện ra điều đó, ngài có thể can thiệp. Tuy vậy, nếu ngài phát hiện ra rằng có hành vi biến thủ quỹ một cách trung thực và chân thành, do một thể giới kinh tế rất phức tạp; và nếu ngài phát hiện ra rằng người quản lý quỹ đang mắc nhiều sai lầm lớn trong lĩnh vực kế hoạch tài chính, ngài có thể can thiệp.

Những điều luật này áp dụng cho Dòng, cho các nữ đan sĩ như thế nào?

Các nữ đan sĩ khấn vâng phục Bề Trên Tổng Quyền và trong Hiến pháp của họ ghi rõ là trong khi mỗi đan viện tự trị, các nữ đan sĩ đều ở dưới thẩm quyền thực sự của Bề Trên Tổng Quyền. Vì vậy, chúng thuộc sự duyệt trước của điều 615 Điều này rất quan trọng. "Các đan viện của các nữ đan sĩ liên kết với một tu hội nam duy trì trật tự đời sống và quản trị riêng của họ theo hiến pháp. Các quyền và nghĩa vụ lẫn nhau phải được xác định sao cho sự liên kết được phong phú về mặt tinh thần." Vì vậy, chúng ta không thuộc sự duyệt trước của điều tiếp theo (615) chép rằng: "Một đan viện tự trị không có bề trên cao cấp nào khác ngoài chủ tọa của chính nó và không liên kết với bất kỳ dòng tu nào khác theo cách mà bề trên của dòng tu đó có quyền lực thực sự đối với một đan viện được xác định bởi hiến pháp thì ủy thác cho giám mục giáo phận coi sóc đặc biệt theo quy định của quy phạm pháp luật." Do đó, các điều luật áp dụng cho việc các giám mục coi sóc các đan viện được đề cập trong điều luật này, điều 615 của bộ luật, theo luật chung không áp dụng cho các đan viện Đa Minh. Nói cách khác, bất cứ khi nào bộ luật đề cập đến việc các giám mục coi sóc các đan viện, nó thường nói rằng "những đan viện đó theo điều 615, những đan viện không bị ảnh hưởng, liên kết với một tu hội nam". Trong những trường hợp đó, các nữ đan sĩ Đa Minh không phải tuân theo điều luật đó. Đặc quyền miễn trừ này bắt đầu từ Dòng, các nữ đan sĩ luôn chia sẻ đặc ân này, vì họ chia sẻ gia sản rộng lớn hơn của Dòng. Mặc dù các nữ đan sĩ ở trong một đan viện chứ không phải tu viện, thiếu tính lưu động như các anh em, nhưng họ là một bộ phận mật thiết được kết nối trực tiếp với Dòng, bởi vì một phần quan trọng của cuộc sống là chiêm niệm và cầu nguyện. Tất cả đều chia sẻ trong đó. Các anh em phải tích cực rao giảng, giảng dạy và học tập, lệ thuộc ngày này qua ngày khác, không chỉ vào lời cầu nguyện của chính họ, mà còn vào lời cầu nguyện trung thành của các chị em của mình. Vì vậy, các nữ đan sĩ chia sẻ với anh em mình trong hiến pháp, trong gia sản quản trị của Dòng, theo tinh thần của Dòng, và tất cả đều được dẫn dắt bởi vị kế vị Thánh Đa Minh. Một phần quan trọng của di sản

phải được phản ánh một cách đầy đủ nhất có thể trong luật lệ về các nữ đan sĩ, các cha và các tu sĩ. Mỗi quan hệ của họ với Bề Trên Tổng Quyền phải được xem xét trong bối cảnh tinh thần quản trị của họ. Điều này phải được phản ánh trong hiến pháp của chúng ta. Tinh thần quản trị này là sự tin tưởng lẫn nhau và trưởng thành.

CÁCH QUẢN TRỊ DÒNG ĐA MINH NGÀY NAY; Phần II

Thomas Doyle, O.P.

Vì tôi đã nói về tinh thần lập pháp mà chúng ta đã thừa hưởng từ Thánh Đa Minh, nên bây giờ tôi muốn đưa ra một số nhận xét về Hiến pháp của các chị. Khi xem xét Hiến pháp của mình, chúng ta phải xem xét chúng một cách khách quan và giải phóng bản thân khỏi những trở ngại ngày nay càng nhiều càng tốt. Nói cách khác, chúng ta phải đọc chúng bằng tinh thần Đa Minh của mình. Một số điều sau đây chỉ là những nhận xét cụ thể.

Nhận xét đầu tiên liên quan đến vấn đề từ bỏ tài sản trong lễ khấn trọng thể. Như các chị đã biết, vào thời điểm khấn trọng thể, chúng ta phải từ bỏ của cải mình sở hữu. Trong những lời khấn đơn, chúng ta mất quyền sử dụng hoa lợi. Chúng ta mất quyền sử dụng nhưng không mất quyền sở hữu toàn bộ. Khi khấn trọng, chúng ta mất đi quyền sở hữu toàn bộ. Thỉnh thoảng có những câu hỏi được đặt ra về quyền thừa kế. Thực tế mà nói, cha mẹ của một chị có thể nói với chị ấy: “Mẹ để lại cho ba đứa con mỗi đứa một phần ba tài sản”. Nếu một trong số họ chuẩn bị khấn trọng, chị ấy sẽ phải đối mặt với một tài sản thừa kế có thể từ 800.000 USD đến 1.000.000 USD. Theo Hiến pháp, bất cứ thứ gì đến với chúng ta đều trở thành tài sản của cộng đoàn. Giả sử các bậc cha mẹ quy định, điều này không phải là hiếm, rằng “chúng tôi muốn những gì chúng tôi kiếm được không dành cho Dòng Đa Minh vì chúng không phải là con của chúng tôi mà nó phải dành cho con chúng tôi. Một ngày nào đó con tôi có thể muốn rời khỏi cộng đoàn của mình; cộng đoàn của con tôi có thể muốn rời bỏ nó. Chúng tôi không muốn con mình bị bỏ mặc không được an toàn.” Chị ấy sẽ làm thế nào để thực hiện được mong muốn của cha mẹ cũng như mong muốn của luật của chúng ta? Đây có thể là một trường hợp ngoại lệ nhưng vẫn xảy ra và bề trên có thể muốn biết cách trả lời câu hỏi này. Tôi nêu ra điều này vì một trường hợp thực tế, trong đó một người quen đã gọi điện cho tôi và nhờ tôi giúp anh ấy một số lời khuyên theo giáo luật. Có vẻ như em vợ của ông sắp khấn trọng trong một cộng đoàn chiêm niệm ở khu vực San Francisco (không phải dòng Đa Minh). Cha cô đã để lại cho cô khoảng 800.000 USD. Ông ấy là một thẩm phán và ông ấy đã nói rất rõ ràng rằng ông ấy không có ý định cho tiền cho đan viện. Đó không phải là thiếu tôn trọng; ông ấy chỉ muốn các con của mình được hưởng. Trong trường hợp con gái rời đan viện, ông muốn cô được chăm sóc. Cuối cùng, họ đã giải quyết được vấn đề bằng cách chuyển toàn bộ số tiền cô có và số tiền sẽ tích lũy vào đó vào một quỹ ủy thác, để chị gái và anh trai cô làm người được ủy thác. (Khi một thứ gì đó được ủy thác, người đó không sở hữu nó; những người được ủy thác sở hữu tài sản một cách hợp pháp.) Cô ấy có thể đưa ra điều kiện rằng mỗi năm một khoản thu nhập nhất định từ quỹ ủy thác đó sẽ được chuyển đến đan viện và trong trường hợp cô ấy ra đi cô ấy sẽ giành lại quyền sở hữu nó. Nó sẽ được chuyển từ những

người được ủy thác sang cô ấy. Hoặc nếu cô ấy vẫn ở trong đan viện hai mươi lăm năm, quỹ vốn sẽ được chuyển cho đoàn thể của họ.

Đó là một sự sắp xếp có thể. Vấn đề này hiện nay xảy ra thường xuyên hơn trước vì cha mẹ thường thấy sự dao động đang diễn ra trong đời sống tu trì. Nó phổ biến hơn với các tu sĩ hoạt động tông đồ. Trong một số ít trường hợp liên quan đến các nữ tu dòng kín mà tôi đã giải quyết, ít có sự miễn cưỡng hơn vì dường như cuộc sống dòng kín đã ổn định hơn nhiều trong mười hoặc mười lăm năm qua. Tôi đã nghe cha mẹ nói thẳng thừng: “Tôi không muốn con gái tôi gia nhập Dòng này vì tôi không thích những gì họ đã làm, tôi không thích những gì họ đã và đang làm. Nhưng đó là cuộc đời và ý nguyện của con bé và tôi không thể ngăn cản con bé. Nhưng tôi sẽ đảm bảo rằng con bé được cung cấp đầy đủ. Và nếu con bé không đồng ý với việc này thì tôi sẽ thay đổi mọi thứ và sửa đổi nó cho con bé để nó được chu cấp, dù nó thích hay không.” Đó là một tình huống bất thường nhưng là điều chúng ta phải biết.

Lĩnh vực quan trọng tiếp theo là mối quan hệ của các Nữ đan sĩ Đa Minh với Bản quyền địa phương. Như tôi đã nói, trong Hiến pháp của các chị nói rõ là các nữ đan sĩ phải phục tùng Bề Trên Tổng Quyền hoặc những người đại diện được bổ nhiệm hợp pháp của ngài. Số 196 trong Hiến pháp của các chị, Đoạn một nói: “Các đan viện thuộc quyền tài phán của Dòng hoặc Bản quyền địa phương.” Bây giờ, đối với tôi, dường như sự mơ hồ này đã được loại bỏ bởi luật chung của Giáo hội, trong đó nói rằng “hoặc/hoặc” áp dụng cho những đan viện mà hoặc là gắn liền với một cộng đoàn nam giới hoặc những đan viện không gắn liền. Các đan viện của các chị quá gần bó. Vì vậy, tôi sẽ đặt câu hỏi liệu có cần thiết phải đề cập đến quyền tài phán của Bản quyền địa phương trong Hiến pháp hay không. Đoạn hai nêu rõ: “Các đan viện thuộc quyền tài phán của Dòng chỉ phục tùng Bản quyền địa phương trong những trường hợp được luật pháp quy định”. Tôi đề nghị rằng có lẽ sẽ chính xác hơn nếu chỉ nói trong những trường hợp được xác định bởi luật chung của Giáo hội. Tôi cũng đề nghị rằng khi ban hành các quy chế của riêng các chị dù là hiến pháp hay chỉ nam, các chị không thêm bất kỳ luật nào không cần thiết hoặc không bắt buộc. Hãy nhớ rằng luật nhằm giúp đỡ mọi người chứ không phải cản trở họ. Luật quá mức có thể khiến người ta bỏ rừng tìm cây. Theo một nghĩa nào đó, nó giống như có một khu vườn xinh đẹp đầy hoa và bụi rậm nhưng lại sợ quạ, chim ó và các loài chim khác sẽ sà xuống tấn công những bông hoa hoặc những con vật nhỏ sống trong vườn. Thế là người chủ bắt đầu dựng đủ loại bù nhìn, nhiều bù nhìn hơn mức cần thiết để chăm sóc những con chim có thể không sống ở vùng đó. Chẳng mấy chốc, khu vườn trở nên xấu xí vì sự phát triển của nó đã bị ngăn cản hơn là được tất cả những con bù nhìn hỗ trợ.

Số 246 của Hiến pháp cũng phù hợp, đặc biệt là Đoạn văn thứ ba đề cập đến việc chấp nhận các di sản Thánh lễ. Số hai nói: “Nó liên quan đặc biệt đến bề trên dòng cho phép chấp nhận nghĩa vụ di sản hoặc bổng Lễ với sự đồng ý bằng văn bản của Bản quyền địa phương”. Điều giáo luật trong Bộ Giáo luật nói rằng Đấng Bản quyền riêng cho phép chấp nhận bổng Lễ và di sản được tìm thấy trong các số 1304 và 1308. Điều này có nghĩa là chủ tọa tối cao là người có quyền giám sát và có quyền cho phép chấp nhận. Đó sẽ là Bề Trên Tổng Quyền.

Về mặt lý thuyết, có thể đưa Bản quyền địa phương vào Hiến pháp của các chị với sự đồng ý bằng văn bản của ngài, điều này có thể thực tế hơn tùy theo từng ngày, từng trường hợp. Tuy nhiên, đây là một trường hợp khác trong đó Hiến pháp phải phù hợp hơn với tinh thần tổng thể

của Bộ luật, đó là sử dụng đặc quyền miễn trừ và làm việc dựa trên mối quan hệ của các chị với Bề Trên Tổng Quyền hơn là với Bản quyền địa phương. Nó cũng nêu trong cùng một số, Số 246, Đoạn bốn:

“Nó đi đôi với Bản quyền địa phương cùng với bề trên dòng (tức là Tổng Quyền) phê duyệt báo cáo kinh tế hàng năm về việc quản lý tu viện.” Điều luật này không cần thiết trong Hiến pháp của các chị vì là các nữ đan sĩ Đa Minh, các chị không phục tùng Bản quyền địa phương theo Điều 615, mà đúng hơn là với Bề Trên Tổng Quyền. Những quỹ mà các đan viện quản lý thực sự thuộc quyền của Bề Trên Tổng Quyền, vốn là Đấng Bản quyền riêng biệt của chúng ta.

Về vấn đề bầu cử, có một yêu cầu trong luật chung của Giáo hội nói rằng Bản quyền địa phương hoặc người đại diện của ngài phải có mặt trong các cuộc bầu cử bề trên. Nhưng nói đúng ra, điều này chỉ liên quan đến những đan viện không liên kết với một dòng tu. Vì vậy, luật chung của Giáo hội không yêu cầu Bản quyền địa phương phải có mặt và chủ trì cuộc bầu cử các bề trên trong các đan viện của các nữ đan sĩ. Điều thú vị là Bộ luật quy định rằng Bản quyền địa phương chủ trì nhưng không có quyền xác nhận hoặc vô hiệu hóa. Bề Trên Tổng Quyền là người thực hiện. Vậy tại sao Đấng Bản quyền địa phương lại phải có mặt? Sau đây chỉ là suy nghĩ của tôi về vấn đề này.

Vì lý do giáo hội học, tôi nghĩ sẽ tốt nếu có ngài hoặc người đại diện của ngài hiện diện trong một phần của cuộc bầu cử, trong Thánh lễ hoặc một trong các phần nghi lễ, để cho thấy mối quan hệ của các nữ đan sĩ của chúng ta với Giáo hội địa phương, đặc biệt qua lời cầu nguyện. Tuy nhiên, cần phải rõ ràng rằng điều này không bắt buộc để có hiệu lực hiến pháp. Một lần nữa mục đích lập pháp lại trở nên khó hiểu ở đây. Lý do thực sự, theo giáo luật cho việc chủ trì của Bề trên Dòng là để biểu thị sự tồn tại của một mối liên hệ pháp lý, hợp pháp giữa bề trên được bầu và chính bề trên đó, cũng như khả năng của ngài khi nhìn nhận và phân định các nhu cầu chung của Dòng.

Đây không phải là điều để lên vai Đấng Bản quyền địa phương.

Số 246 Đoạn năm đề cập đến việc quản lý tạm thời đan viện. Nó nói rằng Bản quyền địa phương có thể coi sóc các vấn đề tài chính nếu có sơ suất. Bây giờ có lẽ sẽ khôn ngoan hơn nếu chiều theo người đứng đầu Giáo hội địa phương trong những trường hợp sơ suất hành chính vì nó được ám chỉ trong luật chung của Giáo hội, và cũng vì ngài gần gũi với tình hình hiện hành hơn Cha Tổng quyền. Sẽ dễ dàng hơn cho ngài khi can thiệp và hỗ trợ cộng đoàn hơn là Cha Tổng quyền.

Trong Số 262 có nói rằng Đấng Bản Quyền địa phương và những người khác có thể đề cử người vào cuộc bầu cử. Tôi đặt câu hỏi về sự cần thiết của người đứng đầu Giáo hội địa phương trong việc đề cử những người được bầu chọn trong các cộng đoàn của chúng ta. Tôi có thể hiểu sai số này. Tôi đoán tôi cũng có vấn đề với chính ý tưởng đề xuất mọi người tranh cử. Tôi không nghĩ rằng đây là truyền thống của chúng ta. Tôi nghĩ rằng khái niệm về sự trưởng thành và sự tin tưởng chung vẫn còn rất giá trị; chúng ta phải để cho Chúa Thánh Thần hướng dẫn việc lựa chọn bề trên của chúng ta. Và điều đó đòi hỏi rất nhiều sự tin tưởng và rủi ro. Vì vậy, với tất cả sự tôn trọng đối với những người soạn thảo Hiến pháp của các chị, tôi đặt câu hỏi về sự cần thiết đối với bất kỳ ai có thẩm quyền đề cử người ra tranh cử. Nếu Cha Tổng quyền đề cử ai đó vào cuộc bầu cử trong một trong các cộng đoàn của chúng ta, thì tự nhiên, theo bản năng cảm xúc,

chúng ta sẽ chiều theo người đó dù người đó có phải là người tốt nhất hay không. Toàn bộ đoạn văn này có điều mà tôi tin là có tác động tiêu cực đến việc làm sáng tỏ tinh thần lập pháp của chúng ta trong tinh thực tiễn của Hiến pháp.

Điều tôi sắp nói tiếp theo là toàn bộ vấn đề về việc trục xuất, ngoại vi và xuất tu, sau đó là một số vấn đề về việc sử dụng và lạm dụng của cải tài sản. Nhưng trước tiên tôi muốn đề cập một lần nữa và nhắc lại việc khi không cần phải tôn trọng Đấng Bản quyền địa phương trong luật pháp cụ thể của chúng ta, là đang tuân theo đặc quyền được miễn trừ của chúng ta, tinh thần lập pháp của chúng ta và tinh thần luật chung của Giáo hội, mà chúng ta không chiều theo. Chúng ta có thể sử dụng một cách khôn ngoan tinh thần miễn chuẩn và ủy quyền rất rộng rãi vốn hiện diện trong Hiến pháp của chúng ta và trong luật chung của Giáo hội. Mọi quyền lực mà người lãnh đạo có, anh ta không phải giữ cho riêng mình. Sử dụng nguyên tắc hỗ trợ này, sự bình đẳng tinh thần theo mô hình Dân Chúa, anh có thể ủy quyền. Một số quyền hạn có thể được ủy quyền cho các đan viện trưởng của đan viện của các chị, cho bề trên các tỉnh của chúng ta, v.v., giống như Đức Thánh Cha thường xuyên ủy thác các quyền hạn dành riêng cho ngài cho các giám mục địa phương. Cho đến khi có Bộ luật mới thì hầu như mọi quyền lực miễn chuẩn đều tập trung vào Đức Giáo hoàng. Khi các giám mục đến Roma để thăm viếng thông thường, họ được bổ sung thêm phái đoàn để thực hiện tất cả các loại miễn chuẩn. Nếu không, bộ máy quan liêu sẽ trở thành một mớ hỗn độn hoàn toàn rối rắm và toàn bộ Giáo hội có lẽ sẽ dừng lại nếu không có tinh thần chuyển động trong chúng ta, mang lại cho chúng ta những phương pháp đơn giản hóa và hợp lý hóa luật pháp của chúng ta.

Bây giờ liên quan đến việc xuất tu và trục xuất khỏi dòng tu: Trong mười lăm hoặc hai mươi năm qua đã có khả năng xảy ra điều được gọi là sự vắng mặt đối với các tu sĩ. Vào cuối những năm 1960, Tòa Thánh đã ban hành luật cho phép các bề trên có thẩm quyền, trong một số trường hợp là bề trên cấp cao của toàn Dòng, cho phép một người vắng mặt khỏi cộng đoàn để phân định ơn gọi. Đây thường là tình huống mà người đó không chắc mình muốn làm gì. Việc vắng mặt không hề làm thay đổi tình trạng pháp lý của cá nhân trong cộng đoàn. Một nữ đan sĩ có thể xa cộng đoàn của mình một hoặc hai năm để nghỉ phép hoặc nghỉ phép kéo dài, nhưng chị vẫn bị ràng buộc bởi lời khấn, vẫn có những nghĩa vụ của Dòng và vẫn được hưởng các đặc quyền bầu cử, cả chủ động và bị động. Và vì vậy mọi người bắt đầu xem xét luật này chặt chẽ hơn. Cuối cùng, như một số nhà giáo luật đã tranh luận, người ta đã xác định rằng ý tưởng về việc nghỉ phép sẽ bị loại bỏ. (nó vẫn được sử dụng, nhưng rất ít.) Thay vào đó, điều được quy định trong luật là khái niệm về ngoại vi, ngay cả trong một khoảng thời gian ngắn. Theo luật chung, giám mục được phép cho phép đi ra, nghĩa là rời khỏi nội vi, trong một khoảng thời gian. Tinh thần của luật chung này dường như không đề cập đến việc vắng mặt để phân định ơn gọi, mà đúng hơn là ở lại bên ngoài đan viện trong một khoảng thời gian hợp lý vì lợi ích lớn hơn: chăm sóc cha mẹ bị bệnh, phải điều trị y tế kéo dài, hoặc bất cứ điều gì. Nếu cần phải rời đan viện một thời gian dài vì lý do này hay lý do khác, không nhất thiết là để xác định ơn gọi, thì ngoại vi thực sự tuân theo tinh thần của luật. Tại sao? Bởi vì khi sống ngoại vi, chị ấy nằm trong phạm vi quyền hạn của Bản quyền địa phương, cũng như tất cả những người Công giáo. Chị ấy cởi bỏ hoặc giữ tu phục. (Tôi tin rằng Hiến pháp của các chị nói rõ các chị để tu phục sang một bên khi sống ngoại vi.) Nếu chị ấy muốn sống ở một ngôi nhà khác, chị ấy sẽ ra ngoại vi khỏi đan viện của mình.

Nếu chị ấy muốn sống ở một dòng tu khác và tiếp tục mặc tu phục, điều đó cũng có thể thực hiện được. Chị ấy mất tiếng nói chủ động và thụ động trong khoảng thời gian chị ấy ở bên ngoài nội vi; điều này phải như vậy. Vì chị ấy không phải là một phần của cuộc sống, chị ấy không nhận thức được nhu cầu nên khi nói đến vấn đề bỏ phiếu hay quyết định cấp trên và nhu cầu, điều hợp tình hợp lý là chị ấy không tham gia. Để đảm bảo điều này xảy ra, luật pháp phải viết nó vào.

Ai có thể ban phép sống ngoại vi? Đối với các nữ tu dòng kín, Tòa Thánh ban bất kỳ và tất cả các đặc phép. Vào thời điểm hiện tại, Sứ thần Tòa Thánh có năng quyền ban đặc phép sống ngoại vi có thời hạn lên đến nhưng không quá ba năm. Khi xin sống ngoại vi, bề trên phải kèm theo lời thỉnh cầu của người chị em xin sống ngoại vi. Điều này phải cho thấy tại sao chị ấy mong sống ngoại vi cũng như votum hoặc ý kiến của bề trên và đề cập đến ý kiến của hội đồng. Nói đúng ra điều này pháp luật không yêu cầu nhưng nó có ích.

Có một kiểu ngoại vi khác gọi là "áp đặt". Trong tình huống này, người đó không muốn sống ngoại vi nhưng vẫn nhận được nó.

Đây là điều mà các nhà giáo luật gọi là một hành vi hành chính. Đó không phải là một hình phạt dành cho một chị em khi áp đặt ngoại vi cho chị ấy. Đó là một hành động hành chính của bề trên có thẩm quyền, và trong trường hợp này là Tòa Thánh. (Tôi nghĩ Sứ thần Tòa thánh có đủ năng quyền cần thiết.) Dòng sẽ không muốn ban hành ngoại vi áp đặt. Chúng ta muốn điều đó đến từ Tòa thánh, trừ khi đó là tình huống khẩn cấp. Vì đây là một hành vi hành chính của Tòa thánh nên không thể kháng cáo. Chẳng hạn, nếu Tổng quyền có quyền ban hành một ngoại vi áp đặt, bởi vì nó được áp đặt, thì chị ấy sẽ có quyền kháng cáo hành vi hành chính của mình lên bề trên cao hơn là Tòa thánh. Nhưng khi Tòa Thánh thực hiện một hành động hành chính thì không có kháng cáo. Tuy nhiên, để áp đặt ngoại vi thì phải có lý do tương xứng nghiêm trọng. Lúc ấy điều này có thể nghiêm trọng về mặt chủ quan đối với cá nhân hoặc cộng đoàn. Ví dụ như một người chị em không thể ở nhà. Chị ấy ra ngoài vì lý do này hay lý do khác và rõ ràng là chị ấy thực sự không phù hợp lắm với cuộc sống trong đan viện, nhưng chị ấy không muốn tìm cách miễn chuẩn với lời khấn của mình.

Bề trên nhận thấy rằng có lẽ điều chị ấy cần là thời gian để giải quyết một số vấn đề. Trong trường hợp này, tính công bằng nói rằng chị ấy "ở bên ngoài" và đứng ra chị ấy ở trong đan viện. Chị ấy "ở ngoài" mà không có bất kỳ sự cho phép nào ngoài sự cho phép ở lại lâu dài của giám mục địa phương. Có lẽ vì lợi ích của tất cả mọi người, bởi vì chị ấy có thể xuất hiện vào thời điểm bầu cử và đòi quyền bầu cử của mình, nên tốt hơn là nên áp đặt ngoại vi. Điều này là vì lợi ích của cộng đoàn. Nó cũng có thể có tác dụng tốt với chị ấy. Các chị có nhớ Juan de Torquemada không? Ngài là một tu sĩ Đa Minh vĩ đại từng làm việc trong Tòa án dị giáo và là người đã phát triển một số nguyên tắc tuyệt vời về bề mặt chung đối thoại. Điều thứ nhất là:

Thu hút sự chú ý của họ. Một khi các chị nhận được sự chú ý của một người, tự các chị sẽ không phải lặp lại. Đôi khi những gì có vẻ là hành động trừng phạt có thể cho cá nhân thấy mức độ nghiêm trọng của vị trí của họ và giúp họ suy nghĩ sáng suốt hơn. Theo một nghĩa nào đó, điều này đang được Giáo hội, luật pháp đương đầu một cách nhạy cảm và yêu thương. Cộng đoàn không phải liên tục đánh vào đầu một nữ tu bằng biện pháp ngoại vi áp đặt, nhưng nó phải biểu thị tại sao. Và có lẽ điều đó sẽ khiến chị ấy phải suy nghĩ nhiều hơn một chút về toàn bộ

tình huống của mình. Trước khi yêu cầu một biện pháp ngoại vi áp đặt, lòng bác ái sẽ ra lệnh phải sử dụng đến mọi biện pháp hợp lý. Hãy nhớ rằng trong một cộng đoàn, lợi ích của cộng đoàn phải được coi trọng ngang bằng với lợi ích của cá nhân. Các bề trên không thể lúc nào cũng để cảm xúc lấn át và nói:

“Chị ấy có một số vấn đề nhưng em hiểu nên chúng em không muốn làm gì cả.” Có lẽ vì lợi ích của cộng đoàn, sự hạnh phúc về mặt cảm xúc, đòi hỏi phải thực hiện một số bước.

Về vấn đề chuyển: Việc chuyển từ đan viện Đa Minh này sang đan viện Đa Minh khác một cách tạm thời đã được quy định đầy đủ trong Hiến Pháp của các chị. Việc chuyển từ đan viện này sang đan tu viện khác cũng được quy định trong Bộ Giáo luật (từ một đan viện cùng dòng sang đan viện khác). Bây giờ, việc chuyển từ một đan viện Đa Minh sang một tu hội dòng khác thì sao? Để tôi quay lại một cách ngắn gọn và nói rằng luật quy định các loại tu hội thánh hiến khác nhau. Các tu hội dòng là một loại đặc biệt: đó là những tu hội tuyên khấn công khai. Họ có thể được gọi là dòng hoặc hội dòng, và trong một số trường hợp, hiệp hội. Các hiệp hội đời sống tông đồ là một loại tu hội khác của đời sống thánh hiến. Các thành viên của họ có thể thực hiện những cam kết riêng tư hoặc những lời hứa hẹn nào đó. Sau đó là các tu hội đời. Đó là những phân loại cơ bản. Chúng ta, những tu sĩ Đa Minh, thuộc “các tu hội dòng” bởi vì chúng ta tuyên khấn khác với những lời hứa hay những loại cam kết khác. Vì vậy, để đi từ một đan viện sang một tu hội dòng khác, chẳng hạn như Dòng Cát Minh hoặc một hội dòng các Chị Em Đa Minh, thì không cần phải có sự cho phép của Tòa Thánh. Các chị không phải làm theo Tòa Thánh trong Hiến pháp của mình vì luật chung không yêu cầu điều này ngoại trừ trường hợp chuyển từ một tu hội đời sang một tu hội dòng. Các chị chỉ phải theo Tòa Thánh trong những trường hợp đó khi cần thiết, áp dụng nguyên tắc bổ trợ và tin cậy lẫn nhau. Để chuyển từ một tu hội đến một tu hội đời hoặc một hiệp hội đời sống tông đồ, hoặc chuyển từ một trong các tu hội này sang một tu hội dòng, cần phải có sự cho phép của Tòa Thánh và phải tuân theo các hướng dẫn của Tòa Thánh. Để một nữ đan sĩ trở thành thành viên của một tu hội đời hoặc một hiệp hội không có lời khấn, chị ấy phải thông qua Tòa thánh. Để trở thành nữ tu của một tu hội dòng khác, chị không cần phải đến Tòa thánh. Điều cần thiết là sự cho phép của chủ tọa tối cao. Đó sẽ là bề trên tổng quyền của một tu hội và là Bề Trên Tổng Quyền của Dòng chúng ta. Trong trường hợp của các nữ đan sĩ, cũng cần phải có sự đồng ý của các hội dòng tương ứng. Trong Hiến pháp của các chị, số 179 nói rằng cần có sự cho phép của Tòa Thánh. Tuy nhiên, đối với tôi, dường như trừ khi tôi được chứng minh là sai, thì sự cho phép này là không cần thiết.

Tiếp theo tôi muốn nói về việc trục xuất. Đây là một vấn đề lớn hơn trong nhiều năm qua, có lẽ đối với các tu hội hoạt động tông đồ hơn là đối với các nữ đan sĩ. Nhưng đây là một vấn đề có thể gây ra mối lo ngại nào đó và do đó cần được hiểu đúng. Một khía cạnh của vấn đề mà tôi thường thấy trong công việc của mình tại Tòa Khâm sứ là việc trục xuất được thực hiện mà không cho nữ tu được quyền bào chữa.

Một thành viên của một tu hội dòng không thể bị trục xuất vì bệnh tật, dù là về thể lý hay tinh thần. Một người có thể bị loại khỏi lời tuyên khấn cuối cùng nếu người đó che giấu bệnh tình vào thời điểm mới bước vào, nhưng nếu một nữ tu bị bệnh tâm thần, người đó phải được lo liệu bằng lòng bác ái và không thể bị trục xuất, không thể bị đưa ra đường. Tôi đã chứng kiến

nhiều trường hợp các nữ tu bị trục xuất và được cho rất ít để lo liệu cuộc sống sau khi bị đưa ra ngoài đường. Ngày nay cho một nữ tu ba hay bốn trăm đô la không phải là nhiều. Chi phí bay từ Washington, D.C. đến Hartford gần bằng số tiền đó. Nếu một người đã ở trong đan viện hoặc tu viện rất nhiều năm, Dòng không nợ chị ấy bất cứ điều gì và luật nói rằng chị ấy không có quyền đòi hỏi bất cứ điều gì.

Nhưng nó cũng tuyên bố rằng chị ấy phải được đối xử một cách công bằng và bác ái, và vì đây được coi là những động cơ cơ bản của tu sĩ nên chúng được ưu tiên hơn cả nội dung của luật. Có một thứ gọi là tự động trục xuất. Giáo luật trong luật chung nói rằng rằng một người sẽ tự động bị trục xuất chỉ vì hai lý do. Một là sự phản bội đức tin rõ ràng và điều kia là hôn nhân, thậm chí là hôn nhân dân sự, tất nhiên là không có sự miễn chuẩn. Trong trường hợp này, mà tôi nghĩ là phổ biến hơn với nam giới, chủ tọa và hội đồng của anh ta đã cùng nhau thu thập bằng chứng, tức là tuyên bố về vụ việc: "Cha A đã cố gắng kết hôn." Sau đó họ tuyên bố anh ta bị trục xuất. Đó là lời tuyên bố về những gì đã xảy ra. Tuy nhiên, điều phổ biến hơn là việc trục xuất nói chung, một quy trình theo giáo luật.

Khi đó, việc trục xuất là một hành động đi theo sau một quy trình pháp lý. Việc trục xuất là kết quả của việc chứng minh điều gì đó trong quá trình này. Các bề trên có thẩm quyền đi đến kết luận rằng vì lợi ích của người đó và cộng đoàn, thậm chí lợi ích của Giáo hội, người đó sẽ bị trục xuất. Đầu tiên, phải có bằng chứng nào đó, không phải bằng chứng giả thuyết, mà là bằng chứng được dẫn ra bao gồm điều gì đó được viết hoặc điều gì đó trong một tài liệu tuyên thệ, không phải tin đồn. Nó không cần phải là bằng chứng cụ thể, đích xác về mặt đạo đức, nhưng có thể đọc đại loại như thế này: "Tôi hiểu rằng Chị B, khi tôi cho phép chị đi khám bác sĩ hàng tuần, thực ra là đang tham dự một cuộc họp của Đảng Cộng sản địa phương và chị ấy đang xúi giục cách mạng. Chị ấy nghĩ rằng có khả năng có một cuộc đối thoại giữa những người Kitô hữu và những người theo chủ nghĩa Marx. Vì vậy, chị ấy đến những cuộc họp này và thậm chí có thể có ý định gia nhập Đảng." Nếu lời cáo buộc có thể được chứng minh thì cấp trên phải đối chất với chị ấy. Giả sử có một chị đến gặp nữ đan viện trưởng và cho biết điều này có thể xảy ra. Nữ đan viện trưởng phải đối chất bị cáo bằng văn bản và/hoặc trước sự chứng kiến của hai nhân chứng. Bà phải nói với chị ấy rằng theo luật chung của Giáo hội và Hiến pháp của chúng ta, nếu những gì bị cáo buộc được chứng minh là đúng, chị ấy có thể bị trục xuất trừ khi chị ấy dừng và từ bỏ. Sau đó, nữ đan viện trưởng đưa ra lý do trục xuất, trích dẫn cả luật và sự việc. Điều này phải được thể hiện đầy đủ, rõ ràng và trung thực. Sau đó, bà phải thông báo cho bị cáo rằng chị ấy có quyền bào chữa, quyền này không loại trừ quyền có luật sư theo giáo luật. Tôi đề nghị rằng bất cứ khi nào có thủ tục trục xuất thì điều này luôn phải được xem xét dứt khoát: rằng cá nhân đó được cho cơ hội để tham khảo ý kiến với một nhà giáo luật, một nhà giáo luật khách quan, một người nào đó từ bên ngoài. Cảnh báo đầu tiên sau đó được đưa ra. Hãy lấy một trường hợp thực tế hơn, đó là trường hợp của một chị rời đan viện và không quay lại và bạn biết rằng chị ấy sẽ không quay lại. Chị ấy đang sống và làm việc ở thành phố New York; chị ấy đã kiếm đủ tiền để mua một chiếc xe hơi, chị ấy đã cưới bỏ tu phục và không đi lễ ngày Chúa nhật. Chắc chắn chị ấy sẽ không quay lại để nghe đọc những lời cảnh báo; vì vậy việc đầu tiên nữ đan viện trưởng phải làm là viết cho chị một lá thư và gửi "Được chứng thực, yêu cầu quay lại". Nó phải nói là: "Tôi ra lệnh cho chị vì đức vâng lời phải trở lại đan viện trong vòng ba tuần." Nó phải giải thích rõ quy tắc và cho chị ấy quyền bào chữa và tên một số luật sư giáo luật. Luật yêu cầu phải

ít nhất mười lăm ngày kể từ thời điểm chị ấy nhận được cảnh báo đầu tiên này. Nếu không có gì xảy ra thì sẽ đưa ra cảnh báo thứ hai, về cơ bản nói những gì cảnh báo đầu tiên đã nói. Hy vọng rằng điều này sẽ lay động chị ấy một chút và chị ấy sẽ gọi điện và nói về nó một chút. Có thể chị ấy sẽ nhận ra rằng mình sắp phải từ bỏ một số tiền rất lớn. Vì vậy chị ấy sẽ không về mà sẽ nói chuyện điện thoại. Luật chỉ yêu cầu hai cảnh báo.

Không có thời gian thực được phân bổ trong luật chung sau cảnh báo thứ hai nhưng lẽ thường tối đa một hoặc hai cảnh báo nữa sẽ được đưa ra. Hai cảnh báo là tất cả những gì luật yêu cầu. Tuy nhiên, nếu sau khi những cảnh báo này được đưa ra, có vẻ như chị ấy không thể sửa chữa được và đã được chứng tỏ, và nếu có lý do để trục xuất, thì hành động đó là lập biên bản về toàn bộ quá trình. Nữ đan viện trưởng và công chứng viên phải có mặt để chứng thực chữ ký. Biên bản này phải được gửi, không phải cho giám mục, như Hiến pháp nói, mà cho Bề Trên Tổng Quyền, là người bảo vệ của các chị. Các giáo luật quy định rằng những văn bản này phải được xem xét trong một tập thể gồm bề trên có thẩm quyền và ban cố vấn của anh. Ít nhất anh phải có sự hiện diện của ban cố vấn. "Kiểu tập thể" nghĩa là gì? Họ đến với nhau, cùng có mặt, để một cuộc bỏ phiếu kín về vấn đề này được thực hiện và phải có một chính! Trục xuất. (Nguyên văn tiếng Anh ở đây bị thiếu chữ) Bây giờ quá trình tiếp tục. Luật yêu cầu người bị trục xuất phải được thông báo bằng văn bản; chị ấy cũng phải được thông báo có quyền kháng cáo lên Tòa Thánh. Luật quy định rằng đối với các fo-Right Institutes, sắc lệnh trục xuất phải được phê chuẩn bởi Sau khi Tổng quyền làm xong tất cả những việc này, anh phải gửi nó cho Thánh Bộ Tu sĩ, nơi phê chuẩn sắc lệnh và sau đó gửi lại Rồi anh thông báo cho bề trên địa phương, người thông báo người bị trục xuất có quyền kháng cáo thêm. Trong vòng mười ngày kể từ ngày thông báo, kháng cáo lên Thánh Bộ. Nếu Thánh Bộ phê chuẩn lời kháng cáo thì nói đúng ra và theo ... thì có thêm một lời kháng cáo nữa. Cái này gửi tới Tối cao pháp viện Tòa Thánh là trình tự của vụ việc. Vậy là có khoảng năm bước tổng cộng. Việc này dài dòng, kéo dài và phức tạp quá phải không? Bởi vì cái tôi là gì là tùy theo quyền lợi của mỗi cá nhân. Chúng ta biết rằng; ... và điểm yếu có thể liên quan vào quá trình này một chút ... cũng đảm bảo rằng người ta không bị “đuổi khỏi quân đoàn” trước khi được phép quay trở lại. Quy trình trục xuất ... về cơ bản cũng giống như quy trình đối với việc tuyên khấn trọng thể hoặc vĩnh khấn. ...; là cần có ít tính nghiêm trọng hơn cho việc trục xuất.

Một vài nhận xét về của cải tài sản; Của cải tài sản là bất cứ thứ gì có thể di chuyển được, có thể bán được, có thể tiêu hủy được. Giáo Hội cần ... để tồn tại. Là tu sĩ, chúng ta luôn cần đến chúng. ...? nghĩa vụ sử dụng chúng một cách khôn ngoan bởi vì, theo một nghĩa nào đó, ... của giáo dân, và chúng ta có thứ gì đó để trả lại cho họ. ... ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng các tòa nhà của chúng ta và tất cả những thứ còn lại. Chúng ta phải sử dụng những thứ này một cách khôn ngoan cho chúng ta, tức là thực hiện mục đích sống của chúng ta. ... các nữ đan sĩ, đó là cầu nguyện, chiêm niệm và cộng tác với các nhà giảng thuyết; và trong trường hợp của các anh em, đó càng là một cuộc rao giảng, học tập, đời sống giáo xứ, bất kể trường hợp nào. ... nghĩa vụ của chúng ta đối với của cải tài sản là những ai đã rời đi hoặc bị trục xuất. Một chị rời đi đã bị trục xuất hợp pháp không có quyền tự động yêu cầu ... Tuy nhiên, lòng bác ái và công bằng đòi hỏi chúng ta phải làm điều gì đó ..., ngay cả trong một thời gian dài, nếu, tất cả mọi việc ... chị ấy đang cố gắng hết sức để nuôi sống bản thân. Có thể đó ... tiền trợ cấp vĩnh viễn từ cộng đoàn. Tôi đã biết ..., đã hỗ trợ trong nhiều năm các linh mục đã rời đi. Họ cung cấp

không phải vì công lý nghiêm khắc, mà vì lòng bác ái, vốn ... hơn. Khoản trợ cấp này phải là bao nhiêu? Tôi nghĩ phải có một chi phí thuê một căn hộ, chi phí mua chi phí thi nghề. Nếu một chị rời đan viện sau khi ở đó hai mươi năm và chỉ biết một số công việc nội trợ và không có kỹ năng nào khác, chúng ta có nghĩa vụ cố gắng giúp chị ấy sắp xếp lại cuộc sống sau nhiều năm phục vụ.

Lĩnh vực lớn thứ hai liên quan đến của cải tài sản là chuyển nhượng. Điều này luôn gây vấn đề. Nói đúng ra, chuyển nhượng là chuyển quyền sở hữu theo cách thức, hình thức hoặc thể thức của tài sản của giáo hội từ đan viện sang chủ sở hữu khác. "Tài sản giáo hội" là một thuật ngữ. Điều này đề cập đến tài sản thuộc sở hữu của tập thể giáo hội, của đan viện. Theo luật, mọi của cải mà các tu sĩ chúng ta nhận được đều trở thành của cải của giáo hội.

Nếu anh rể của ai đó tặng chị ấy một chiếc xe hơi và được đan viện chấp nhận thì chiếc xe đó sẽ trở thành của cải của giáo hội. Tuy nhiên, tiền không phải là của cải của giáo hội. Đó là sự đổi chác, phương tiện trao đổi. Tiền trở thành của cải của giáo hội khi nó được quy định do sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền. Giả sử ai đó tặng cho tu viện 500.000 đô la. Bề trên và ban cố vấn của bà họp lại và nói: "Chúng ta sẽ làm gì với khoản này?" Đó là tiền; họ có thể làm bất cứ điều gì họ muốn. Họ có thể lợp mái nhà mới, họ có thể mua những chiếc xe hơi cần thiết, họ có thể sửa lại nhà bếp. Điều họ quyết định là bỏ phiếu trong đan viện hội và ban cố vấn để riêng số tiền này làm quỹ cấp vốn đặc biệt cho các chị nào có thể phải rời cộng đoàn trong một thời gian dài để tiền lãi được sử dụng. Như vậy nó trở thành của cải của giáo hội. Nó không thể bị chuyển nhượng hoặc giả mạo nếu không có một số quyền nhất định. Tôi sẽ nói về điều đó trong giây lát.

Sự chuyển nhượng cũng có nghĩa là bất kỳ giao dịch nào sẽ gây nguy hiểm hoặc làm cho tài sản ổn định của đan viện trở nên kém ổn định hơn. Ví dụ, thế chấp là một dạng chuyển nhượng. Ký kết một thỏa thuận thế chấp, vay tiền hoặc cho thuê dài hạn, bất kỳ thỏa thuận nào theo đó đan viện có thể có xu hướng mất đi một thứ gì đó được gọi là sự chuyển nhượng. Điều này rất quan trọng vì ký kết bất kỳ điều nào trong số này đòi hỏi phải có một quy trình nhất định và cần phải có sự cho phép nhất định nếu số tiền nằm trong khoản do hội đồng giám mục của quốc gia ấn định. Ở nước ta nó là một triệu đô la. Bất cứ điều gì dưới một triệu đô la đều cần có sự cho phép của luật cụ thể. Tôi không nghĩ Hiến pháp của các chị đề cập đến sự chuyển nhượng. Giả sử cộng đoàn có quỹ cấp vốn trị giá 500.000 đô la này và họ muốn thay đổi nó. Họ có những nhu cầu cấp thiết. Một cơn bão đã ập đến và họ cần tiền để duy trì hoạt động của đan viện. Làm sao họ có được nó? Họ nhận được tiền bằng cách làm theo thủ tục thích hợp là xin phép Bề Trên Tổng Quyền. Anh ấy là bề trên. Điều đó phải được ghi vào Hiến pháp của các chị, hoặc các chị có thể muốn viết trong đó rằng nữ đan viện trưởng cùng với ban cố vấn của bà có thể chi tiêu đến một số tiền nhất định. Điều đó phụ thuộc vào pháp luật cụ thể.

Bây giờ chúng ta hãy nói về số tiền một triệu đô la trở lên. Cộng đoàn muốn xây dựng một đan viện mới giống như các chị em LaCrosse đang làm. Họ có một căn nhà ở Washington và họ muốn bán căn nhà ở LaCrosse. Hy vọng rằng họ sẽ nhận được hơn một triệu đô la cho nó; vì vậy để bán đan viện đó họ cần có sự cho phép của Tòa Thánh. Nếu không, việc mua bán sẽ không hợp lệ về mặt giáo luật và nói đúng ra, có thể không được thừa nhận tại các tòa án dân sự của Hoa Kỳ bởi một bên quan tâm vốn có thể đảo ngược hành động theo giáo luật và hành động

pháp lý. (Việc này đã từng được thực hiện trong quá khứ.) Chẳng hạn, giả sử Cha Bê trên muốn bán Học viện Đa Minh; anh ta ký một thỏa thuận với Moonies và bán nó cho Moonies với giá 5 triệu đô la. Tất cả chúng ta đều ở trong tình thế khó xử cho đến khi có người nói: "Đợi đã; anh ấy có được sự cho phép thích hợp của Tòa thánh để bán đan viện của chúng ta, bán Học viện không?" Chúng ta xem xét và câu trả lời là Không. Anh ấy và Ban Cố Vấn đã bỏ phiếu để bán nó và đã bán nó. Vì vậy, ba hoặc bốn người trong chúng ta khởi kiện lên Tòa án Quận của Quận Columbia. Chúng ta cáo buộc anh ta đã hành động vượt quá thẩm quyền của mình. Theo tiền lệ được đặt ra trong một số vụ kiện dân sự trước đây, điều họ có thể sẽ làm là xem xét luật pháp của chúng ta vì chúng ta là một Giáo hội có phân tầng. Họ sẽ nói: "Anh ta có tuân theo luật riêng của họ không?" Rõ ràng người ta đã chứng minh rằng anh ta đã không tuân theo luật riêng của chúng ta, dù là luật chung hay luật riêng. Sau đó, họ sẽ nói: "Việc mua bán này không hợp lệ. Bê Trên Tổng Quyền nợ Học viện năm triệu rưỡi đô la." Tòa án dân sự sẽ nói điều đó, khi chúng ta vượt quá luật pháp của chúng ta ở Hoa Kỳ. Tôi không biết họ làm gì ở Ý hay Ai-len nhưng đó là những gì họ đã làm ở đây. Vì thế chúng ta cần sự cho phép này của Tòa Thánh.

Làm thế nào để xin phép Tòa Thánh? Bằng cách gửi thỉnh cầu đến Thánh Bộ cho biết bản chất của sự chuyển nhượng. Nếu một cộng đoàn muốn mượn tiền để cải thiện đan viện của họ, họ phải cho biết tài sản thế chấp là gì, nếu có. Dù chỉ là danh tiếng của một cá nhân thì họ cũng phải xin phép vì nếu người ấy không trả nợ được thì cộng đoàn sẽ phải trả giá. Ví dụ, giả sử đan viện hội và ban cố vấn bỏ phiếu bán tu viện. Họ nhận được hai hoặc ba bản đánh giá, hoặc một bản đánh giá đáng tin cậy, và họ báo cáo số tiền đó cho Thánh Bộ. Những gì Thánh Bộ đã và đang làm trong thực tế là xin ý kiến có lợi của Bản quyền địa phương. Điều này luật không yêu cầu đối với chúng ta, nhưng Tòa Thánh đã yêu cầu điều đó. Tôi nghĩ nếu chúng ta đòi hỏi điều này, chúng ta có thể giành chiến thắng nhưng điều đó không quan trọng. Theo một nghĩa nào đó, bằng cách đưa ra ý kiến của mình, Bản quyền địa phương có thể đóng vai trò là người bảo vệ tạm thời trước hành động bốc đồng của các bề trên đối với các nữ đan sĩ. Vì các chị luôn ở trong nội vi nên ngài có thể giúp đảm bảo rằng các chị nhận được lời khuyên và sự trợ giúp tốt nhất có thể. Sau đó, toàn bộ thông tin này sẽ được gửi đến Tòa Thánh và thông thường sẽ được cấp phép chuyển nhượng. Thuế mà Tòa Thánh tính là không đáng kể so với số tiền đang được xử lý hiện nay. Tôi đã thấy một trường hợp số tiền lên tới hàng triệu đô la và tiền thuế chỉ là 15 đô la. Họ thường thêm ít nhất một số 0 khác vào đó, thế vẫn chưa nhiều lắm.

Về cơ bản, đó là phạm vi những gì tôi muốn nói về cách quản trị của chúng ta và Hiến pháp của chúng ta. Tôi cố tình không bàn về lời khấn và đời sống tu trì vì đây không phải là khả năng của tôi. Tôi được yêu cầu nói chuyện về tinh thần Đa Minh. Tóm lại, tôi muốn nói điều này: Chúng ta tôn vinh ký ức về vị sáng lập trước hết bằng cách hiểu tinh thần lập pháp, tinh thần quản trị của Dòng trong tất cả các khía cạnh của nó và bằng cách nhận ra và chấp nhận thực tế rằng di sản hợp pháp này tồn tại vì lợi ích của cộng đoàn và vì lợi ích của Giáo Hội. Mục đích của nó là giúp chúng ta, những tu sĩ Đa Minh, có thể thực hiện những gì chúng ta được thành lập để làm, có được sự linh hoạt nhất định, tính di động, sự tự do để phát triển và thích ứng theo nhu cầu của Dòng. Chúng ta tồn tại và hoạt động trong bối cảnh của Giáo hội địa phương. Tuy nhiên, chúng ta không được thiếu tôn trọng, không trung thành hoặc không vâng lời bằng cách viện đến tất cả các khía cạnh của tài sản pháp lý của chúng ta, bao gồm cả quyền miễn trừ. Chúng ta đang duy trì đặc quyền miễn trừ này đã được Vị Đại diện Chúa Kitô ban cho chúng ta để có thể lưu động

vì lợi ích của toàn thể Giáo hội. Vì vậy, tôi hy vọng rằng một số đề xuất mà tôi đã đưa ra sẽ được xem xét. Như tôi đã nói, tôi có thể sai khi giải thích luật hiện hành vì đây là lần đầu tiên tôi mạo hiểm vào Hiến pháp của các chị. Tuy nhiên, chúng ta tự giúp mình và giúp đỡ Giáo hội địa phương bằng cách tận dụng tối đa tất cả những gì chúng ta có trong luật pháp và truyền thống lập pháp của chúng ta.

SUY TƯ VỀ TINH THẦN VÀ CƠ CẤU QUẢN TRỊ DÒNG ĐA MINH

Sister Mary Thomas, O.P. Buffalo Vol.V 75-89

"Xin mở mắt cho con nhìn thấy, luật pháp Ngài kỳ diệu biết bao." (Tv 118)

Luật pháp của chúng ta là một mặt của cuộc sống chúng ta. Là một mặt của viên kim cương, nó phản chiếu ánh sáng lấp lánh tinh thần của Thánh Đa Minh, con người của Phúc Âm. Và vì vậy chúng ta thấy nó mang tính con người hơn là cơ cấu, mang sự sống hơn bộ luật. Đó là một con đường - con đường của Thiên Chúa dành cho chúng ta - và nó dẫn đến cuộc sống trọn vẹn 'niềm vui mãi mãi trước sự hiện diện của Ngài'. "Luật tìm được sự trọn vẹn trong tình yêu."

Vì lý do này, chỉ mô tả cách quản trị dòng Đa Minh sẽ là không đủ trong mối quan hệ với nghĩa vụ, quyền lợi, đặc quyền, cơ cấu và thủ tục. Đó không phải là một cuộc hôn nhân vì lợi kết nối những đối tác không hợp nhau để tốt hơn hay tệ hơn. Đó là một quà tặng nhưng không từ Thập Giá.

Cách quản trị dòng Đa Minh đôi khi được so sánh với một nền dân chủ trái ngược với một chế độ quân chủ nhân từ. Nó thể hiện sự cân bằng tốt giữa một số hình thức cai trị. Chúng ta được biết rằng Thánh Đa Minh đã cố tình chọn Tu Luật của Thánh Âu Tinh cho Dòng của mình bởi vì Tu Luật đó thừa nhận sự thích nghi tự do và lành mạnh với hoạt động tông đồ độc đáo của ngài. Điều quan trọng là ngài đã chọn nó với sự tham khảo ý kiến của các anh em của mình. Những bản thảo đầu tiên của Hiến chương Dòng đã được Thánh Đa Minh luận ra trong khuôn khổ các Tổng Tu nghị để ở đây một lần nữa các anh em có sự tham gia rõ rệt vào công việc, giúp hình thành Dòng.

Người ta nói rằng Hiến pháp của dòng Đa Minh nằm trên bàn khi các Nhà Lập quốc của nước ta họp lại để soạn thảo Hiến pháp Hoa Kỳ. Mặc dù luận điểm này có thể không được bảo vệ theo nghĩa đen nhưng có một phần sự thật về nó, vì Hiến pháp Đa Minh có yếu tố cân bằng quyền lực nổi bật vốn chưa từng có vào thời Thánh Đa Minh. Thánh Đa Minh là một nhà lập pháp hoàn toàn độc đáo.

Một cái nhìn ngắn gọn về lịch sử của luật dòng Đa Minh sẽ giúp làm phong phú thêm sự hiểu biết của chúng ta về nó. Khi thành lập Dòng, Thánh Đaminh đã thể hiện một lý tưởng có tính đổi mới và thực sự táo bạo dưới con mắt của những người đương thời. Cuộc sống cá nhân của ngài giải thích điều này ở một mức độ nào đó. Trước hết, ngài là một kinh sĩ giáo sĩ, sống lối sống đan tu trong Hội Kinh sĩ Chính tòa ở Osma ở Tây Ban Nha. Mô hình ngày và đêm bao gồm

cầu nguyện phụng vụ - cử hành Thánh lễ cộng đoàn và kinh nhật tụng hàng ngày - học tập chuyên sâu và chiêm niệm nhiều giờ.

Tiếp theo, dưới sự ủy nhiệm của vị giám mục, ngài bắt đầu hoạt động tông đồ rất tích cực. Trong chuyến đi làm đại sứ quán chính trị cho vua Tây Ban Nha, ngài và Đức Giám mục Diego đã chạm trán với tà giáo An-bi ở miền nam nước Pháp. Nhận thức được nhu cầu cấp thiết cần có những nhà thuyết giáo có trình độ để chống lại căn bệnh tinh thần đang lây lan nhanh chóng này, Thánh Đa Minh đã đáp lại lời kêu gọi của Đức Giáo Hoàng Innocent III và dành những năm tháng đẹp nhất của cuộc đời mình cho việc rao giảng. Sự cần thiết phải đảm bảo sự tiếp tục của công việc này đã trực tiếp dẫn đến việc thành lập Dòng của ngài.

Trong suốt những năm tháng tông đồ đi rao giảng ở miền Nam nước Pháp và Ý, Thánh Đa Minh không bao giờ ngừng là con người cầu nguyện, con người Tin Mừng “gắn chặt với Chúa Kitô”. (2) Cầu nguyện là nguồn sức mạnh và sự thành công của ngài. Thánh Thần nói “qua ngài bởi vì ngài hoàn toàn phó mặc cho sự điều khiển của Gió thần thánh. Khi soạn thảo Hiến pháp cho Dòng của mình, Thánh Đa Minh đã tìm cách kết hợp cuộc sống của một kinh sĩ với cách thức di động của nhà giảng thuyết. Hàng ngày chính ngài hát thánh lễ bất cứ khi nào có thể với tình cảm con người; mỗi ngày ngài và các anh em của mình cùng nhau đọc kinh thần vụ. Tuy nhiên, các phong tục đan tu khác của các Dòng đan tu hiện hành lúc bấy giờ phải được lược bớt tới mức tối thiểu kéo việc học tập, công cụ không thể thiếu để thuyết giảng thành thạo, bị nguy hiểm. Hai lối sống vốn cho đến lúc ấy hoàn toàn khác biệt và tách biệt nhau giờ đây đã được Thánh Đa Minh gắn kết thành một thực thể mới phong phú, căng mình lành mạnh. Điều này phản ánh tính cách của ngài, sự kết hợp phi thường của sự cân bằng và cường độ của ngài, đồng thời làm sáng tỏ phẩm chất của Dòng ngài. Không chỉ các Tu sĩ mà cả các Nữ đan sĩ cũng sống theo tầm nhìn rộng lớn này. Theo quan điểm của Thánh Đa Minh, vai trò của nữ đan sĩ là duy nhất, khác biệt và thiết yếu đối với Dòng của ngài. Về mặt lịch sử các chị có mặt trước. Đan viện Prouille được thành lập vào năm 1206, ngôi nhà đầu tiên của các Tu sĩ ở Toulouse vào khoảng năm 1215. (3) Việc ngài quan tâm lo liệu luật pháp cho các đan viện ở Prouille, St. Sixtus và Madrid chứng tỏ sự quan tâm sâu sắc của ngài trong việc đảm bảo sự phát triển của chúng theo khuôn mẫu cho thấy ngài “trên núi” chiêm niệm. Những người kế vị của ngài cũng đi theo đường lối tương tự, cải tiến và điều chỉnh hình thức quản trị trong đời sống của các Nữ đan sĩ để phù hợp với thời đại đang thay đổi. Những sửa đổi lớn trong Hiến pháp của các Nữ đan sĩ đã được Humbert Romans thực hiện vào năm 1259” bởi Hyacinth Cormier năm 1930 và bởi Anicetus Fernandez năm 1971. Hai sửa đổi được thực hiện trong thế kỷ của chúng ta được ra đời bởi việc ban hành Bộ Giáo luật năm 1917 và Công đồng Vatican II. Hiện nay, một bản sửa đổi khác đang được tiến hành, nhằm thi hành các điều luật liên quan đến đời sống tu trì trong Bộ Giáo luật năm 1983.

Sự đóng góp của các Anh em Giảng thuyết trong cơ cấu quản trị của các Nữ đan sĩ là rõ ràng và không thể chối cãi. Nó là một phần di sản của Thánh Đaminh và bảo đảm tính xác thực của chúng ta với tư cách là tu sĩ Đa Minh, cũng như vị trí vững chắc của chúng ta trong Dòng. Điều quan trọng là phải đồng thời nhận ra rằng nguyên tắc bổ sung là cơ bản và thiết yếu cho hoạt động lành mạnh của toàn thể gia đình Đa Minh. Có sự phụ thuộc lẫn nhau giữa tất cả các thành viên. Nguyên tắc cơ bản này phản ánh hình thức quản trị đặc biệt được các tu sĩ Đa Minh đầu

tiên lựa chọn và có giá trị cho đến ngày nay, sự cân bằng quyền lực đã đề cập trước đó, dấu đặc biệt của cách quản trị dòng Đa Minh.

Khi xem xét cách quản trị thích hợp cho các Nữ đan sĩ Đa Minh, ba khía cạnh khen ngợi nhau được đề cập cụ thể. Đó là đan tu. Đó phóng khoáng và vui vẻ. Ý nghĩa của nó là tình yêu.

Khi Thánh Đa Minh tập hợp các Nữ đan sĩ đầu tiên tại Prouille, ngài quan tâm cung cấp cho họ ngay từ đầu một luật lệ và thủ tục pháp lý khả thi. Để đạt được mục đích này, ngài đã soạn một quy tắc cho họ dựa trên tục lệ của dòng Xitô. Định hướng của cộng đoàn rõ ràng là mang tính Xitô. (5) Cả Giám mục Diego và Anh Dominic đều có mối liên hệ chặt chẽ với Đan viện Xitô và có lý do chính đáng để nghĩ rằng họ dự định sáp nhập cơ sở này vào Dòng Thánh Bernard như một đan viện dành cho phụ nữ.

(6) Trên thực tế, các tu sĩ dòng Xitô đã phản đối việc kết hợp các đan viện nữ vào thời điểm đó vào trong lịch sử của họ. Tuy nhiên, điều quan trọng cần nhớ là “Prouille ra đời và lớn lên giữa các tu sĩ dòng Xitô”. (7)

Các nữ đan sĩ dòng Xitô không có quy tắc riêng biệt của mình mà tuân theo quy tắc và tục lệ của các thầy tu. Vì vậy, các Nữ đan sĩ Đa Minh đầu tiên đã bắt đầu đời sống tu trì của mình trong khuôn khổ thuần đan tu. Đây là hạt giống mà họ đã được định sẵn để đóng vai trò bổ sung trong Dòng, một vai trò được nhận biết rõ ràng ngày nay. Vào năm 1216, chúng ta thấy Thánh Đaminh đã soạn ra từ một phiên bản sửa chữa của bản văn trước đó một bộ các quy luật dành cho các Nữ đan sĩ dựa trên những quy luật của các Anh em Giảng thuyết. (số 8)

Chủ đề này vang lên trong bản văn Hiến pháp hiện tại của các Nữ đan sĩ. “Để cho các anh em lan truyền khắp thế giới danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta (9), và để các Nữ đan sĩ thâm kín tìm kiếm Người, suy ngẫm và cầu nguyện, để lời được thốt ra từ miệng Thiên Chúa không trở lại với Ngài một cách vô ích, nhưng có thể triển nở trong những điều mà vì chúng Ngài đã gửi đi.” (10)

Điều nhấn mạnh vai trò đặc biệt của các Nữ đan sĩ trong Dòng chính là cơ cấu đời sống đan tu của họ, được phác họa rõ ràng trong Quy luật được soạn thảo cho các Nữ đan sĩ tại Prouille, cho cơ sở sau này tại St. Sixtus ở Roma, và một lần nữa cho Đan viện ở Madrid. Trong khi đối với các Nữ đan sĩ, sự nhấn mạnh là lối sống chiêm niệm, thì việc hoàn thành ơn gọi rao giảng được đảm bảo bởi mối quan hệ của họ với các Anh em. Trong kế hoạch của Thánh Đaminh, các Anh em và Nữ đan sĩ đã hình thành nên một tổng thể bất khả phân ly, là Dòng Giảng thuyết duy nhất. Nếu các Anh em coi thế giới là nội vi của họ và dấn thân vào việc rao giảng Lời Chúa theo nghĩa đen không ngừng nghỉ, thì các Nữ đan sĩ cũng coi thế giới đó trong trái tim mình, rao giảng bằng một lối sống được tượng trưng và thực hiện bằng nội vi của họ. Nếu việc rao giảng của các Anh em chỉ có thể mang lại kết quả trong mức độ mà nó bắt nguồn từ việc học tập và chiêm niệm, thì chứng tá của các Nữ đan sĩ chỉ có thể vang lên từ sự tĩnh lặng ẩn giấu sâu thẳm của họ.

Khuôn khổ pháp lý đan tu dành cho các Nữ đan sĩ kéo dài cho đến ngày nay và trong thời đại chúng ta được tham khảo từ các tài liệu của Giáo hội vạch ra cách thực hành của nó, (11) Được đưa vào Hiến pháp của chúng ta là những quy định về đời sống chung, việc tuân theo

các lời khuyên khiết tịnh, khó nghèo và tuân phục, các quy định về nội vi đan tu và sự thinh lặng, trọng tâm tập trung và thống nhất vào việc cử hành Thánh lễ cộng đoàn Đan viện hàng ngày và tuân trần trong Giờ kinh Phụng vụ, cầu nguyện riêng, lectio divina, học tập, làm việc và trên hết là các sự quý trọng và yêu thương lẫn nhau giữa các thành viên của mỗi cộng đoàn vốn gắn kết toàn thể lại với nhau. Tinh thần của lề luật này, rất rõ ràng ngay từ lần nghiên cứu đầu tiên bản văn, về cơ bản hướng đến tình yêu: tình yêu đối với Thiên Chúa và đối với nhau trong bối cảnh của Giáo hội.

Phân Hiến pháp dành cho việc quản trị đan viện đang khai sáng mục đích của chúng ta. Ở đây chúng ta gặp Đan viện hội, một cơ quan bao gồm tất cả các thành viên khấn trọng của cộng đoàn. Chính Đan viện hội bầu ra Nữ đan viện trưởng và ít nhất ba thành viên trong Ban Cố Vấn của bà, thường có tổng cộng bảy Nữ đan sĩ. Khi bầu chọn Nữ đan viện trưởng, Đan viện hội luôn nhớ tới ba nhiệm vụ của mình: “nuôi dưỡng sự hiệp nhất bác ái, liên tục duy trì đời sống chiêm niệm của các Nữ đan sĩ, và siêng năng quan tâm đến kỷ luật dòng.” (12) Việc sắp xếp các nhiệm vụ này rất có ý nghĩa: chiêm niệm và kỷ luật là vì mục đích bác ái.

Nữ đan viện trưởng được bầu với nhiệm kỳ ba năm và có thể được bầu lại. Nhiệm kỳ thứ ba chỉ được cho phép cho trường hợp ngoại lệ, trong trường hợp có nhu cầu rõ ràng. Luật này đảm bảo sự cân bằng quyền lực nhất quán trong cộng đoàn. Địa vị chính thức được coi là một phương tiện phục vụ vì lợi ích của tất cả mọi người.

Ngoài việc bầu chọn Nữ đan viện trưởng, Đan viện hội còn có trách nhiệm biên soạn Chỉ nam hoặc nhóm phong tục địa phương và nộp nó để xem xét thường xuyên. Cứ mỗi sáu năm, Đan viện hội có thể kiến nghị với Bề Trên Tổng Quyền về bất kỳ thay đổi nào mà nó xét thấy là thích hợp. (13) Đan viện hội bỏ phiếu biểu quyết để kết nạp các thành viên mới vào cộng đoàn, (14) Cần phải bỏ phiếu tư vấn cho tất cả các vấn đề có tầm quan trọng lớn. Do đó, mỗi thành viên đều có vai trò thực tế trong việc ra quyết định, định hình và quản trị cộng đoàn.

Vì sự quan điểm quản trị của chúng ta đe dọa trở thành hợp pháp, chúng ta vội nhớ lại ghi chú đặc trưng thứ hai được đề cập ở trên. Cách quản trị dòng Đa Minh rất phóng khoáng và vui vẻ.

Thánh Đaminh là người có óc sáng kiến hay nhất trong vấn đề miễn chuẩn. Đối với ngài và đối với Dòng, vấn đề miễn chuẩn không bao giờ có nghĩa là ra về ta đây với sự yếu đuối của con người. Nó được dự tính như một sức mạnh tích cực và được kết hợp như một yếu tố gắn liền cho thấy một lần nữa tính chất độc đáo của đường lối Đa Minh, Đó là một sự phát biểu thực tế về trật tự đúng đắn trong các hoạt động của nhà giảng thuyết. Mạnh mẽ trong việc cắt bỏ những khối u trong quá trình phát triển của cơ thể tu sĩ, nó được dành cho những tu sĩ trưởng thành, đủ mạnh mẽ để bám chặt vào mục tiêu cuối cùng của họ với tâm trí trong sáng và ý chí vị tha. Nó không dành chỗ cho sự so sánh giữa các cá nhân. Nó có con mắt tinh tường đối với những tình huống vô cùng khác nhau và nhu cầu nảy sinh từ nước này sang nước khác, từ thời này sang thời đại khác. Tu sĩ Đa Minh là dành cho Giáo hội. Luật pháp của họ phải được kiểm chế một cách tinh tế để có thể uốn cong và thích ứng với nhu cầu của Giáo hội, duy trì toàn bộ sức mạnh của mình trong khi vượt qua các quy định mà có thể che khuất mục tiêu cao hơn ở đây hoặc ở đó. Sự

tự do của Thánh Thần phải được cho phép phát huy trọn vẹn và việc tôn trọng triệt để sự tự do đó sẽ giải phóng cá nhân Đa Minh trở thành sự tự do trọn vẹn trong cuộc sống của chính họ.”

Việc miễn chuẩn có giá trị cao trong đời sống của các Nữ đan sĩ, thực hiện chức năng, cũng như đối với các Tu sĩ, trong một phong trào tổng thể được phối hợp hướng tới mục tiêu của cộng đoàn và Dòng. Hiến pháp của các Nữ đan sĩ giải thích rõ ràng việc áp dụng cân bằng việc tuân thủ luật dòng trong các đan viện và ấn định thẩm quyền miễn chuẩn không chỉ cho Bề Trên Tổng Quyền mà còn cho mỗi Nữ đan viện trưởng và người thay thế bà. (15) Những miễn chuẩn thông thường việc miễn trừ được trao cho các cá nhân hơn là cho toàn bộ cộng đoàn. Bất cứ nơi nào có nhu cầu rõ ràng, quyền miễn chuẩn được quy định trong chính luật pháp.

Từ thực tế này xuất phát tinh thần phóng khoáng và vui vẻ rất đặc thù với cách quản trị dòng Đa Minh. Không gian được quy định trong luật của chúng ta để bộc lộ tự do và đầy đủ tiềm năng của mỗi người, trong khi thực tế sự miễn chuẩn là một phần cơ bản của luật khiến tự do cá nhân trở thành kết quả của sự vâng lời. Việc miễn chuẩn nâng cao sự phát triển lành mạnh của đời sống tuyên khấn trong bối cảnh đời sống Kitô hữu, và nâng việc tuân theo các lời khuyên lên mức độ đức tin tin rằng “mọi sự đều có thể đối với Thiên Chúa”. (16) Không cần phải nhấn mạnh đến phẩm chất vui vẻ của đời sống Đa Minh vì nó nổi bật trong những cuộc gặp gỡ bình thường nhất với các tu sĩ Đa Minh. Niềm vui có tính lây lan và sâu sắc, tuôn ra từ chân lý cơ bản của cuộc sống chúng ta, đó là cuộc sống được Thiên Chúa ban tặng và dẫn trở về với Ngài. Lộ trình của mỗi người có thể khác nhau nhưng mục tiêu thì giống nhau.

Do đó, chúng ta có thể thành thật nói về cách quản trị dòng Đa Minh của chúng ta rằng ý nghĩa của nó là tình yêu. At the heal của Hiến pháp có viết: “Các nữ đan sĩ cũng như các anh em phải hướng cả cuộc đời mình đến đức ái hoàn hảo đối với Thiên Chúa và tha nhân, chăm sóc và mang lại ơn cứu độ hữu hiệu cho con người, coi bản thân mình trước hết và trên hết là những thành viên đích thực của Chúa Kitô, hoàn toàn hiến thân để thu phục các linh hồn, như Chúa Giêsu, Đấng Cứu Độ mọi người, đã hoàn toàn hiến mình để cứu rỗi chúng ta”. (18) Và một lần nữa, khi bình luận về Tu Luật của Thánh Âu Tinh, “lý do đầu tiên khiến chúng ta tụ họp lại với nhau là để chúng ta có thể sống cùng nhau trong sự hiệp nhất và một lòng một trí trong Chúa. Đi xa hơn giới hạn của đan viện, sự hiệp nhất này đạt được sự hiệp thông trọn vẹn với Dòng và toàn thể Giáo hội Chúa Kitô.” (19)

Nếu không có định hướng này hướng tới sự viên mãn của cuộc sống thì cơ quan pháp luật thực sự sẽ trở nên vô ích. Các quy phạm và luật pháp chi tiết có thể ảnh hưởng đến tính đồng nhất và hoạt động trơn tru trong nhóm trong một thời gian nhưng cuối cùng nó sẽ dẫn đến sự đổ vỡ vì thiếu tầm nhìn. Cơ quan pháp luật phải rung động với hơi thở của cuộc sống, phải dẫn đến một điều gì đó vượt lên trên chính nó. Luật dòng Đa Minh, phản ánh tâm hồn của Thánh Đaminh, vị sáng lập, được truyền hơi thở của Thánh Thần Tình Yêu. Do đó nó mới có niềm vui, sự tự do.

Tự do và khổ hạnh: cả hai đi cùng nhau. Tự do ở cực đối lập với sự lỏng lẻo. Chúng ta có thể có đủ sức để cảnh giác vì chúng ta bắt nguồn từ niềm vui tự tin. Khổ hạnh là sự cắt tĩa nhằm nuôi dưỡng sự tăng trưởng mới, hoa trái dồi dào hơn. Chúng ta có thể có đủ sức để nắm

lấy nó vì mục đích cuối cùng. Và inh ỏi hơn cả sự nghiêm ngặt của logic này là lời kêu gọi không thể cưỡng lại được trở thành người anh hùng.

Đó là tình thế lao về phía trước để đáp ứng ý muốn của Thiên Chúa với lòng khao khát mạnh mẽ, sự đón nhận trọn vẹn của trái tim, chỉ vì đó là ý muốn của Ngài.

Tình yêu không cần thêm lý do.

Vì vậy, chúng ta thấy mình trong vòng tròn, quay trở lại khái niệm kinh thánh ban đầu của cách quản trị Đa Minh. “Lạy Chúa, xin mở mắt cho con nhìn thấy, luật pháp Ngài kỳ diệu biết bao.” Cố gắng hiểu thấu các công thức mà chúng ta đã vạch ra từ thuở ban đầu của Dòng, cố gắng đặt chúng vào bối cảnh đời sống Kitô giáo và tu trì trong Giáo hội đang tiến triển, khám phá ra trong đó những âm vang rõ ràng và không thể nhầm lẫn của luật mới và điều răn mới được ban cho chúng ta bởi Ngôi Lời Nhập Thể, chúng ta có thể lặp lại với sự vỗ òa tự nhiên của sự nhận biết hân hoan: “Luật tìm được sự viên mãn trong tình yêu”.